

## MỤC LỤC

<b>ĐẶT VẤN ĐỀ.....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN I.....</b>	<b>3</b>
<b>SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>3</b>
<b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT...4</b>	
<b>1.1. Căn cứ pháp lý.....</b>	<b>4</b>
<b>1.2. Cơ sở thông tin, tài liệu, số liệu và bản đồ.....</b>	<b>7</b>
<b>II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT...9</b>	
<b>2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....</b>	<b>9</b>
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	9
2.1.2. Các nguồn tài nguyên.....	11
2.1.3. Thực trạng môi trường.....	14
2.1.4. Đánh giá chung.....	15
* Thuận lợi:.....	15
* Khó khăn:.....	16
<b>2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....</b>	<b>16</b>
2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	16
2.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế.....	17
2.2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập.....	19
2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.....	20
2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	20
<b>2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.....</b>	<b>23</b>
2.3.1. Thuận lợi.....	24
2.3.2. Khó khăn.....	24
<b>3. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.....</b>	<b>25</b>
3.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất tính đến hết ngày 31/12/2023.....	25
3.2. Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất theo từng loại đất giai đoạn 2020-2023.....	28
<b>4. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.....</b>	<b>33</b>
4.1. Những mặt đạt được.....	33
4.2. Những hạn chế.....	34
4.3. Nguyên nhân của tồn tại.....	34
4.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	35

<b>PHẦN II.....</b>	<b>37</b>
<b>PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030.....</b>	<b>37</b>
<b>I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>37</b>
<b>1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....</b>	<b>37</b>
1.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội.....	37
1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.....	38
<b>1.2. Quan điểm sử dụng đất.....</b>	<b>39</b>
<b>1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.....</b>	<b>40</b>
1.3.1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp.....	40
1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp.....	41
1.3.3. Định hướng phát triển đất đô thị.....	45
1.3.4. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn.....	46
1.3.5. Định hướng phát triển đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị.....	47
<b>II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>47</b>
<b>2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....</b>	<b>47</b>
2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	47
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.....	49
<b>PHẦN IV.....</b>	<b>52</b>
<b>TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.....</b>	<b>52</b>
<b>GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....</b>	<b>54</b>
<b>I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....</b>	<b>54</b>
<b>II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....</b>	<b>54</b>
<b>* Các giải pháp về kinh tế:.....</b>	<b>54</b>
<b>III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....</b>	<b>55</b>
<b>IV. Các giải pháp khác.....</b>	<b>56</b>
<b>PHẦN V.....</b>	<b>59</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>59</b>
<b>I. KẾT LUẬN.....</b>	<b>59</b>
<b>II. KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>59</b>

## ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế - xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đất đai còn là loại tài nguyên không tái tạo và thuộc loại tài nguyên có nguồn cung cố định.

Sử dụng đất đai một cách khoa học, hợp lý là nhiệm vụ mang tính cấp bách và lâu dài của nước ta, đây là vấn đề liên quan đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đất đai chỉ thực sự phát huy vai trò vốn có của mình dưới sự quản lý chặt chẽ, thống nhất, phù hợp của Nhà nước.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam Chương III điều 53 đã xác định: Đất đai là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 tại Chương III Điều 53 quy định “*Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”. Luật Đất đai năm 2013 (chương 4, điều 35 - 51) khẳng định rõ nội dung lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, theo cấp lãnh thổ hành chính và được cụ thể hóa tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Theo Luật Quy hoạch (Luật số 21/2017/QH14), quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch tại Điều 1 có nêu “Khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 20 được hiểu như sau: Các quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời. Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn”.

Đổi mới về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong Luật Đất đai năm 2013 được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 6, thông qua ngày 29/11/2013. Trong đó, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thể hiện trong chương IV với 16 điều, đã thể chế hóa quan điểm của Đảng trong Nghị quyết 19-NQ/TW, nhằm nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây

dụng, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất theo hướng quy hoạch sử dụng đất phải tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả đất đai cho các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất phải phù hợp với các chỉ tiêu, tiến độ sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ngày nay trong công cuộc đổi mới mạnh mẽ về kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời những áp lực về dân số, về đất đai ngày càng thể hiện rõ. Lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai là việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó giúp cho các cấp, các ngành sắp xếp, bố trí sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai. Qua đó đáp ứng được yêu cầu “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai” vừa tránh được việc sử dụng chông chéo, sai mục đích gây lãng phí, hủy hoại môi trường đất, đồng thời bảo vệ được môi trường sinh thái, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Căn cứ các Quyết định: Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;....

Với những ý nghĩa đó, ***“Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế”*** là cần thiết mang tính thiết thực để định hướng và là cơ sở pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất, qua đó phân bổ quỹ đất đai hợp lý cho các mục đích, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm có hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện cho việc mở mang các dự án đầu tư, phân vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp hợp lý và có hiệu quả kinh tế.

## **PHẦN I**

### **SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong các nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai và đã được quy định trong Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003 và 2013.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, hầu hết các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội đều có nhu cầu sử dụng đất đai. Vì vậy, công tác lập quy hoạch và kế hoạch hoá việc sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để phân bổ quỹ đất đai cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, tránh được sự chông chéo, gây lãng phí trong sử dụng, hạn chế sự hủy hoại đất đai, phá vỡ môi trường sinh thái. Công tác lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung thi hành Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 29/11/2013 Chính phủ về thi hành Luật Đất đai và Thông tư số 01/2020/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Với vai trò của quy hoạch sử dụng đất đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương, trong nhiều năm qua, công tác quy hoạch sử dụng đất các cấp đã được tăng cường đẩy mạnh cả về quy mô và chất lượng. Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được phê duyệt, đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái trong thời gian qua. Tuy nhiên, công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch sử dụng đất vẫn còn những tồn tại cần phải khắc phục như: công tác lập và xét duyệt quy hoạch sử dụng đất của các cấp còn chậm so với kỳ quy hoạch; khả năng dự báo chưa đầy đủ nên chất lượng quy hoạch chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; sự gắn kết giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành còn chưa đồng bộ; vị trí và quy mô diện tích của các công trình, dự án trong quy hoạch cũng thường bị thay đổi do tác động của cơ chế tài chính, chính sách giá đất bồi thường, giải phóng mặt bằng;...

Cùng với cả tỉnh, huyện Phú Vang đang bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế và khu vực, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đang được đẩy mạnh đòi hỏi sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng các loại đất nhằm đáp ứng nhu cầu tăng

cường cơ sở kết cấu hạ tầng, mở rộng các khu, cụm công nghiệp; phát triển dịch vụ-du lịch, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội và thực hiện đô thị hoá... Vì vậy, việc đáp ứng nhu cầu sử dụng đất hiện nay và những năm tiếp theo của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn là rất lớn và việc chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là nhu cầu thực tiễn.

Trong giai đoạn 2020-2025, được sự lãnh đạo của Huyện ủy, các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó có nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong giai đoạn tới đồng thời khắc phục được những khó khăn, thách thức và những vấn đề còn tồn đọng trong giai đoạn vừa qua. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 06/7/2020 kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 huyện Phú Vang. Theo đó, một số chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội đã có sự điều chỉnh so với trước đây, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất cần phải điều chỉnh cho phù hợp.

Trong những năm qua, hòa chung với nhịp độ phát triển của tỉnh, trên địa bàn huyện Phú Vang đã hình thành khu công nghiệp Phú Đa, đang hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của huyện. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành kinh tế ngày một gia tăng, đã tác động mạnh đến sự biến động cơ cấu đất đai của huyện. Ngày càng nhiều các chương trình, dự án lớn sẽ được đầu tư phát triển trên địa bàn huyện cần được bố trí đất, sự gia tăng dân số cũng gây áp lực không nhỏ đối với quỹ đất của địa phương và hầu hết các ngành kinh tế trên địa bàn đều có nhu cầu về đất để mở rộng và phát triển. Để phân bổ quỹ đất hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho tất cả các ngành tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội của huyện là việc làm cần thiết.

Từ những lý do trên, cần thiết phải thực hiện lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian tới, đồng thời phù hợp với các quy định của Luật Đất đai 2013; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1.1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19/11/2018;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số [37/2019/NĐ-CP](#) ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về cây giống và canh tác;
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Công điện số 364/CD-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;
- Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;



- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Công văn số 3347/UBND-ĐC ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh về việc khẩn trương lập, trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030;

Công văn số 144/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2024 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc triển khai lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

## **1.2. Cơ sở thông tin, tài liệu, số liệu và bản đồ**

- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn thu sử dụng đất và nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021;

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 03/6/2022 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 3);

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 2);

- Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về việc cho

ý kiến kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 28/8/2020 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

- Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “ Khảo sát, đánh giá thực trạng cụm công nghiệp và định hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020 - 2024);

- Quyết định số 67/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch giai đoạn 2013 - 2030;

- Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2009 - 2020;

- Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/08/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Phú Vang;

- Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 08/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Phú Vang;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh về Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035;

- Công văn số 8274/UBND-ĐC ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

- Nghị quyết số 08/NQ-HU ngày 30/11/2021 Nghị quyết Hội nghị phiên bất thường Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XV về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 06/7/2020 Kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 huyện Phú Vang.

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Bản đồ địa chính của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường**

#### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

##### ***a) Vị trí địa lý***

Phú Vang là một huyện đồng bằng ven biển, nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế. Huyện Phú Vang có ranh giới hành chính được xác định như sau:

Phía Bắc giáp thành phố Huế;

Phía Tây giáp thành phố Huế, thị xã Hương Thủy;

Phía Nam giáp huyện Phú Lộc;

Phía Đông giáp biển Đông.

Ranh giới của huyện được bao bọc bởi biển Đông, sông Hương, sông Như Ý, sông Lợi Nông và đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Ngoài ra còn nằm trên các trục đường giao thông quan trọng của vùng và của tỉnh như: quốc lộ 49, 49B, tỉnh lộ 2, 3, 10A, 10B, 10C, 10D, 18 và các tuyến trục ngang nối các tỉnh lộ với quốc lộ, tạo thành hệ thống giao thông thủy, bộ hợp lý nên huyện Phú Vang được đánh giá là một trong những huyện có vị trí địa lý khá thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi về kinh tế, văn hóa trong nội bộ huyện với các vùng khác trong tỉnh.

### ***b) Địa hình, địa mạo***

Huyện Phú Vang có địa hình khá bằng phẳng, với độ dốc <1% và cao trình biến thiên từ 0 - 2,5 mét so với mặt nước biển, phổ biến từ 0,8 - 1,5 mét. Nhìn chung, địa hình huyện thấp dần từ Tây Bắc sang Đông Nam nhưng không lớn, tuy nhiên có những khu vực địa hình trũng hay gò cao hơn địa hình chung, có thể chia làm 3 vùng chính như sau:

- Vùng cồn cát ven biển: đây là khu vực có địa hình cao nhất, được hình thành do các cồn cát ven biển khá nổi bật so với các khu vực xung quanh, vùng đất này có dạng địa hình sóng trâu được giới hạn bởi phía Đông là biển và phía Tây là phá Tam Giang.

- Vùng đồng bằng: được hình thành bởi vùng đồng bằng ven sông và đầm phá nên khá bằng phẳng rất thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Vùng đầm phá: chủ yếu là phá Tam Giang được hình thành bởi các đầm (Thuỷ Tú, Thanh Lam, Hà Trung, Sam, Chuồn) nên rất thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản.

### ***c) Khí hậu***

Phú Vang cũng như các huyện khác của tỉnh Thừa Thiên Huế đều chịu sự chi phối chung của khí hậu nội chí tuyến nhiệt đới gió mùa có ảnh hưởng khí hậu đại dương vì vậy những đặc trưng chủ yếu về khí hậu thời tiết là: nhiệt độ cao đều quanh năm ( $25^{\circ}\text{C} - 39,8^{\circ}\text{C}$ ), lượng mưa biến động theo mùa khá rõ ràng (mùa mưa và mùa khô) và chịu ảnh hưởng nhiều của bão. So với huyện khác đặc biệt là các huyện miền núi thì Phú Vang là huyện có điều kiện khí hậu thời tiết thuận lợi để phát triển kinh tế, kết hợp với các yếu tố khác về tài nguyên biển và ven bờ đã tạo nên những thắng cảnh nổi tiếng rất hấp dẫn để phát triển du lịch.

#### ***a. Nhiệt độ***

Do nằm ở vĩ độ thấp, chế độ bức xạ dồi dào, tổng lượng bức xạ thực tế hàng năm đạt 124 - 126 kcal/cm<sup>2</sup>. Hầu hết các xã trong huyện Phú Vang đều có nhiệt độ trung bình năm đạt  $25^{\circ}\text{C}$ . Nhiệt độ cao nhất thường xảy ra vào các

tháng 6,7,8 với nhiệt độ trung bình tháng trên 29<sup>0</sup>C và nhiệt độ thấp nhất thường xuất hiện vào tháng 12, tháng 1 và tháng 2 năm sau với nhiệt độ trung bình khoảng 20<sup>0</sup>C. Nhiệt độ cao tuyệt đối là 40,1<sup>0</sup>C, thấp nhất tuyệt đối là 10,2<sup>0</sup>C.

#### *b. Mưa*

Lượng mưa phân bố không đều trong năm, tập trung mưa bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc gần cuối tháng 12 hàng năm. Trong đó lượng mưa tập trung cao nhất từ tháng 9 đến tháng 11 hàng năm, vào những tháng này thường xảy ra lũ lụt và lượng mưa giai đoạn này chiếm 70 - 80% lượng mưa cả năm.

Lượng mưa trung bình năm khoảng 2.550 mm.

Lượng mưa cao nhất 4.827 mm.

Lượng mưa thấp nhất 11.982 mm.

Số ngày mưa bình quân hàng năm là 120 ngày.

#### *c. Độ ẩm*

Độ ẩm tương đối trung bình năm 85 - 86%. Độ ẩm cao nhất là 89%. Tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 9, 10, 11. Độ ẩm thấp nhất trong năm là 76%.

#### *d. Gió, bão*

Huyện Phú Vang chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính:

- Gió mùa Tây Nam xuất hiện từ tháng 4 đến tháng 8 hàng năm, vận tốc gió bình quân từ 2-3 m/s có khi lên tới 7-8 m/s. Mùa này gió thường khô nóng, bốc hơi mạnh nên gây khô hạn kéo dài.

- Gió mùa Đông Bắc ẩm lạnh kéo dài từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, tốc độ gió bình quân từ 4-6 m/s, cực đại 10 m/s. Gió kèm theo mưa làm cho khí hậu lạnh, ẩm dễ gây lũ lụt, ngập úng ở nhiều nơi.

Trung bình hàng năm khu vực nghiên cứu có khoảng 0,87 cơn bão đổ bộ trực tiếp. Thời gian thường bị ảnh hưởng của bão nhất là tháng 9 (chiếm 35%), rồi đến tháng 10 (22%) và tháng 8 (18%).

#### *d) Thủy văn*

Phú Vang có mạng lưới sông ngòi không nhiều, mật độ <1km/1km<sup>2</sup>, nói chung các sông suối trên địa bàn huyện có lưu vực đều nằm trọn trong địa bàn.

- Lưu vực sông Như Ý: sông Như Ý đây là một nhánh rẽ của sông Lợi Nông, lưu vực bao gồm của sông Phú An, Phú Mỹ, Phú Hồ.

#### *b. Nước ngầm*

Theo quan sát thực tế từ các giếng đào cho thấy nguồn nước ngầm ở Phú Vang tương đối lớn, độ sâu từ 4 - 6 mét có thể khai thác phục vụ sinh hoạt và cung cấp cho một số cơ sở sản xuất nhỏ. Về chất lượng cũng đáng quan tâm, đó là vùng ven biển phần lớn bị nhiễm phèn, mặn hoặc nhiễm bả do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của chính con người.

### **2.1.2. Các nguồn tài nguyên**

#### *a) Tài nguyên đất*

Được hình thành nhiều nguồn gốc khác nhau nên phân loại đất khá đa dạng, phân bố trên nhiều loại địa hình nên khả năng khai thác cũng hết sức phong phú.

Đất tự nhiên có các loại đất chính như sau:

a. Đất cát: được hình thành ở các vùng ven biển. Nhóm đất này có 2 loại đất: đất cát biển và đất cồn cát. Nhóm đất này được phân bố khá tập trung ở các xã ven biển.

b. Đất mặn ven biển: Loại đất này được hình thành do chịu sự tác động trực tiếp của nguồn nước mặn và được phân bố hầu hết ở các xã ven biển và đầm phá.

Đặc điểm chung nhất là: đất có màu tím hoặc hơi xám, đất chua (PH KCl từ 4,5 – 5,5), tỷ lệ mùn và đạm từ trung bình đến khá, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình. Phân bố tập trung, địa hình bằng phẳng, thích hợp để phát triển nuôi trồng thủy sản.

c. Đất phù sa: Đất phù sa tập trung vào hình thành các vùng đồng bằng hẹp ở các lưu vực của các con sông lớn như: sông Lợi Nông, Như Ý, loại đất này rất có ý nghĩa cho sản xuất nông nghiệp và thực tế đã được nông dân khai thác một cách triệt để vào sản xuất hoa màu, lương thực cũng như các cây công nghiệp ngắn ngày hàng năm. Tiềm năng để phát triển nông nghiệp bởi những đặc điểm khá ưu việt như tỷ lệ đạm, mùn trung bình đến khá, thành phần cơ giới thịt nhẹ đến trung bình, dễ thoát nước, địa hình bằng phẳng, tập trung.

d. Đất biến đổi do trồng lúa: Đây là loại đất được hình thành do sản phẩm phong hoá đá mẹ khác nhau, được nhân dân địa phương cải tạo lâu đời nên hình thành các chân ruộng sản xuất nông nghiệp, loại đất này được phân bố ở các xã đồng bằng.

e. Đất mặt nước và sông hồ: chủ yếu là sông suối, mặt nước chuyên dùng.

### **b) Tài nguyên nước**

a. Nước mặt: Phú Vang có mạng lưới sông ngòi không nhiều mật độ <1km/km<sup>2</sup>, nói chung các sông suối trên địa bàn huyện thường ngắn và hầu hết các lưu vực đều nằm trọn trong địa bàn.

Dòng chảy của sông ngòi trên địa bàn huyện là sản phẩm trực tiếp của mưa nên phân bố không đồng đều theo không gian và thời gian. Vùng mưa nhiều thì dòng chảy nhiều, dòng chảy tập trung vào mùa lũ (tháng 9, 12). Tổng lượng dòng chảy lũ chiếm 80 – 85%/năm đối với năm nhiều nước đặc biệt, 65-70%/năm đối với năm trung bình, 45 - 50%/năm đối với năm ít nước. Đặc điểm chủ yếu các sông suối lớn của Phú Vang như sau:

\* *Lưu vực sông Như Ý*

Sông Như Ý là một nhánh rẽ của sông Lợi Nông. Lưu vực của sông này bao gồm các xã như: Phú An và Phú Mỹ.

*Tóm lại:*

- Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện khá phong phú nhưng vấn đề khai thác nó đang là một thách thức lớn đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác phục vụ sản xuất vì hiện nay vụ hè thu còn thiếu nước tưới trầm trọng.

- Tuy Phú Vang có mạng lưới sông tương đối nhiều ( $< 1\text{km}/\text{km}^2$ ), nhưng sông ngắn, tiếp giáp là biển nhưng phân bố dòng chảy không đều theo không gian và và thời gian. Do đó khi tổ chức khai thác nguồn nước mặt phải chú ý điều hoà giữa các vùng và sử dụng nước một cách tiết kiệm, không được khai thác cạn kiệt làm thay đổi môi trường sinh thái. Trong xây dựng và quản lý khai thác, chú ý liên kết các loại công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm để tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên, hạn chế xây dựng trạm bơm vùng hạ lưu sông.

#### **b. Nước ngầm**

Nước ngầm trong đất tồn tại dưới 2 dạng: Nước lỗ hổng tồn tại trong các lỗ hổng khe hạt của các loại đất đá bờ rời. Nước khe nứt tồn tại trong các đới nứt nẻ của các đá rắn chắc.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu từ trước đến nay và thông số thu được, trữ lượng nước dưới đất trong phạm vi huyện Phú Vang được luận giải và tính như sau:

- Diện tích tự nhiên của Phú Vang chủ yếu là đồng bằng và đầm phá. Vùng đồng bằng được tạo nên chủ yếu là các đá trầm tích đệ tứ.

- Theo quan điểm địa chất thuỷ văn thì các trầm tích phun trào được coi là các thể địa chất cách nước hoặc chứa nước rất kém, nước chỉ tồn tại trong khe nứt của đá với diện phân bố hẹp. Vì vậy, việc xác định trữ lượng nước dưới đất trong phạm vi toàn huyện chính là xác định lượng nước tồn tại và vận động trong các lỗ hổng của đất đá thuộc trầm tích đệ tứ (*tức là vùng đồng bằng*).

- Theo quan sát thực tế từ các giếng đào cho thấy nguồn nước ngầm ở Phú Vang tương đối lớn, độ sâu từ 4 - 6m có thể khai thác phục vụ sinh hoạt và cung cấp cho một số cơ sở công nghiệp nhỏ. Về chất lượng cũng đáng quan tâm, đó là vùng ven biển phần lớn bị nhiễm phèn, mặn, hoặc nhiễm bản do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của chính con người.

#### **c) Tài nguyên rừng**

Diện tích rừng trên địa bàn huyện chủ yếu là đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ. Tài nguyên rừng ở đây đơn điệu, cây trồng chủ yếu là phi lao chắn cát nên có độ che phủ là khá thấp.

#### **d) Tài nguyên biển và đầm phá**

Phú Vang có trên 25 km bờ biển, với tài nguyên biển có vai trò là nguồn tài nguyên thuỷ sản, tiềm năng du lịch lớn phục vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh, huyện. Đây chính là tiềm năng và thế mạnh của huyện trong việc phát triển nền kinh tế toàn huyện.

Được đánh giá là huyện có tài nguyên thủy sản đa dạng và sản lượng đánh bắt khá cao. Hệ sinh thái biển đa dạng thuận lợi cho các hình thức nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm lồng, trồng rong sụn, rau câu, cua...)

Nằm trong một vùng có nhiều tiềm năng về du lịch tự nhiên và nhân văn như tỉnh Thừa Thiên Huế thì huyện Phú Vang cũng có những điều kiện riêng của mình để hoà với sự phát triển chung của tỉnh nhà. Với đường bờ biển dài, cảnh quan đẹp và môi trường tự nhiên khá tốt. Khả năng hình thành các cảng lớn phục vụ kinh tế và quốc phòng của tỉnh và khu vực. Do có vị trí thuận lợi Phú Vang có thể hình thành nhiều cảng hàng hoá, thương mại lý tưởng và sẽ có tác dụng hỗ trợ cho quá trình công nghiệp hoá của huyện nhà và đồng thời là tác nhân thúc đẩy nhanh kinh tế của tỉnh.

#### ***e) Tài nguyên khoáng sản***

Trên địa bàn huyện hiện có mỏ titan và cát thủy tinh, một số nơi đã đưa vào khai thác công nghiệp nhưng quy mô còn nhỏ. Đây là một trong những nguồn lực góp phần cho phát triển nền kinh tế về lâu dài của huyện, tỉnh.

#### ***f) Tài nguyên nhân văn***

Phú Vang có trữ lượng tiềm năng văn hoá du lịch đầy triển vọng với các di tích danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Hiện nay đã có di tích lịch sử được xếp hạng và công nhận là: di tích đình làng An Truyền (xã Phú An).

Cùng với di sản văn hoá hữu thể là những di sản văn hoá phi vật thể có bản sắc riêng được lưu truyền qua các biểu hiện giá trị như: truyền thống tốt đẹp, tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán, ngành nghề cổ truyền... mang đậm đà sắc thái dân tộc.

Phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo cũng là những thành tố góp phần làm phong phú nguồn tài nguyên nhân văn của huyện. Phú Vang hiện có các tôn giáo chủ yếu như: đạo Phật, đạo thiên chúa giáo, đạo tin lành.

Phú Vang là xứ sở của biển nên nhân dân sống dựa nhiều vào biển. Một trong các nghề truyền thống độc đáo ở đây là nghề lưới đăng. Có thể nói đây là đặc trưng chung của vùng biển miền Trung. Nhân dân Phú Vang cần cù, yêu lao động, không ngừng sáng tạo... nên đời sống ngày một khá hơn. Bước vào thế kỷ thứ 21 trong sự phát triển đi lên của đất nước, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ, Phú Vang phấn đấu xứng đáng là lực lượng xung kích trên mọi mặt trận; kế thừa, phát huy, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà.

### **2.1.3. Thực trạng môi trường**

Được đánh giá là huyện có tiềm năng phát triển du lịch, vấn đề môi trường đã được tỉnh và huyện quan tâm và có nhiều biện pháp tích cực nhằm bảo vệ và cải thiện theo hướng có lợi. Theo kết quả báo cáo hàng năm của các ngành, nhìn chung điều kiện môi trường của Phú Vang còn khá tốt. Tuy nhiên,



từng lúc, từng nơi vẫn còn những tồn tại cần phải được quan tâm giải quyết trên nhiều lĩnh vực bao gồm:

- Môi trường nông thôn:

+ Suy giảm về số lượng và chất lượng đất canh tác do lũ lụt và hạn hán, do sự xâm thực của nước biển. Đây là một thực tế kéo dài trong nhiều năm qua và diễn ra với quy mô ngày càng lớn do ảnh hưởng của thiên tai (lũ lụt, hạn hán,) hằng năm hàng chục ha đất bị bồi lấp, bị nước mặn xâm nhập làm giảm diện tích đất canh tác.

+ Các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân đã và đang làm ô nhiễm môi trường như: lợi dụng quá mức phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Việc ứng dụng kỹ thuật canh tác thiếu hợp lý, đặc biệt ở các vùng đất cát và một bộ phận dân cư đang sinh sống phụ thuộc vào đầm phá. Bên cạnh đó việc thiếu ý thức cũng như chưa có biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi và hoạt động sản xuất công nghiệp nhỏ ở khu vực nông thôn cũng có tác động xấu đến môi trường.

- Môi trường biển, ven bờ và đầm phá: môi trường biển, ven bờ và khu vực đầm phá đã và đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi nhiều hoạt động có khả năng gây ô nhiễm như: nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch được phê duyệt, quá trình khai thác bừa bãi tài nguyên biển, đầm phá bằng các phương pháp mang tính chất hủy diệt môi trường biển như đánh mìn, xung điện làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái vùng đới bờ.

Môi trường khu vực đầm phá hết sức nhạy cảm với những sự tác động của các yếu tố bên ngoài. Hàng năm hiện tượng ngập lụt kéo theo ngọt hóa về mùa mưa và nhiễm mặn về mùa khô đã ảnh hưởng xấu đến môi trường đầm phá. Ngoài ra môi trường này còn đứng trước nguy cơ ô nhiễm nặng do nước thải và các chất thải rắn chưa được xử lý từ các nơi thuộc lưu vực sông Hương đổ về với số lượng lớn trước khi đổ ra biển.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ môi trường trong thời gian tới, huyện Phú Vang tập trung thực hiện mục tiêu: Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường. Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về môi trường, xử lý chất thải, rác thải trên địa bàn huyện; tăng cường công tác phối hợp với các sở, ban ngành để kịp thời xử lý các trường hợp phát sinh, gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường...

#### **2.1.4. Đánh giá chung**

**\* Thuận lợi:**

Phú Vang có bờ biển trải dài với các bãi tắm nổi tiếng như Phú Thuận, Vinh Thanh, Phú Diên... cùng với hệ đầm phá rộng lớn được xem là những tiềm

năng và lợi thế rất lớn trong phát triển du lịch - dịch vụ cũng như kinh tế biển và đầm phá của huyện. Trên địa bàn huyện Phú Vang có quốc lộ 49B chạy dọc ven biển, Tỉnh lộ 10A, 10B, 10C và các tuyến giao thông nối các tỉnh lộ với quốc lộ tạo thành một hệ thống đường giao thông hợp lý, thuận lợi cho giao lưu trong nội bộ huyện và với bên ngoài. Bên cạnh đó, với việc sở hữu nhiều diện tích đầm phá trong hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, Phú Vang còn có thế mạnh để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Với mục tiêu xây dựng Phú Vang thành địa bàn phát triển kinh tế biển và du lịch - dịch vụ hiệu quả, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế. Những năm qua, huyện Phú Vang đã tập trung huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế; nhất là phát huy thế mạnh của vùng ven biển, đầm phá để phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực như dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông và ngư nghiệp gắn với làng nghề truyền thống chế biến nông sản...

Hiện trên địa bàn huyện có Khu công nghiệp Phú Đa với gần 10 doanh nghiệp đầu tư xây dựng. Bên cạnh đó Phú Vang còn là nơi có các dự án lớn về du lịch đang triển khai dự án du lịch tại xã Vinh Xuân - Vinh Thanh - Vinh An... và các bãi tắm như: Phú Thuận, Phú Diên, Vinh Thanh được đầu tư, tạo nhiều thuận lợi cho du lịch biển và dịch vụ phát triển.

Với lợi thế về biển và đầm phá, Phú Vang đã từng bước phát huy được tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại; đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Hiện các xã ven biển và đầm phá của huyện đã trở thành vùng phát triển dịch vụ - du lịch mạnh của tỉnh. Công tác quy hoạch, xây dựng, chỉnh trang đô thị được chú trọng, từng bước hình thành các đô thị mới như Phú Đa, Vinh Thanh, Phú Mỹ, góp phần nâng tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện ngày càng cao.

#### **\* Khó khăn:**

Phú Vang nằm trong dải đất miền Trung nên cũng chịu ảnh hưởng rất lớn của khí hậu thời tiết khắc nghiệt, mùa hạ nắng hạn kéo dài kèm theo gió Tây Nam khô nóng, còn vào mùa mưa khí hậu lạnh, lượng mưa tập trung vào một số tháng gây ra lũ lụt, ngập úng làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống dân sinh.

## **2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

### **2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Năm 2023, UBND huyện đã tập trung huy động nguồn lực đầu tư cho Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống; phát triển kinh tế biển và đầm phá và phát triển đô thị. Cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Giải quyết tốt vấn đề môi trường. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước, tập trung cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, phòng chống

tham nhũng, lãng phí. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng dịch vụ - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản có chuyển biến, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, góp phần tạo động lực tăng trưởng nền kinh tế. Hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, văn hoá không ngừng được tăng cường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

### **2.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế**

#### ***a) Khu vực kinh tế dịch vụ du lịch, thương mại***

Duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng chế biến hải sản. Các hoạt động dịch vụ du lịch được mở rộng với nhiều hình thức phong phú như du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, lễ hội. Hạ tầng ngành dịch vụ du lịch phát triển đa dạng. Các hoạt động dịch vụ du lịch được đầu tư mở rộng như du lịch sinh thái trên đầm phá đã thu hút khách ngày càng nhiều đem doanh thu ngành du lịch tăng.

Hoạt động dịch vụ thương mại tiếp tục phát triển, nhu cầu mua sắm hàng hóa tăng cao vào các dịp Tết, lễ. Các dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển như dịch vụ thu mua, cấp đông, chế biến thủy sản. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn bán hàng cấm, hàng lậu, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng nhằm bảo vệ người tiêu dùng.

Hoạt động xúc tiến thương mại được tổ chức tốt. Chú trọng đa dạng hóa nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, tuy nhiên chất lượng các dịch vụ chưa được phong phú.

#### ***b) Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn***

Sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn đang có bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Bước đầu hình thành và phát triển một số cơ sở sản xuất có quy mô lớn, sản phẩm hàng hóa ngày một đa dạng, chất lượng sản phẩm được nâng cao,... Các ngành nghề: chế biến thủy hải sản, chế biến nước mắm, ruốc, mắm các loại, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, mộc dân dụng, nhà rường, chế biến nước ốt, may mặc,... không ngừng được đầu tư phát triển.

Công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại luôn được quan tâm, hằng năm vận động, tổ chức, hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia trưng bày sản phẩm tại các lễ hội, hội chợ trên địa bàn tỉnh, toàn quốc. Hỗ trợ xúc tiến phát triển thị trường nông sản, đặc sản, thủ công mỹ nghệ huyện Phú Vang vào các kênh phân phối bán lẻ.

Từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh, huyện và vốn của các doanh nghiệp, cơ sở để hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị tiến tiến vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm,... Các đề án được hỗ trợ kinh phí khuyến công đã thu được những kết quả nhất định và có tác dụng

rõ rệt với cơ sở công nghiệp nông thôn. Phần lớn đều phát triển tốt, góp phần phát triển công nghiệp nông thôn tại địa phương, tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, góp phần phát triển đời sống kinh tế - xã hội của địa phương. Động viên các nguồn lực tham gia đầu tư phát triển sản xuất, giúp các tổ chức, cá nhân trong huyện hiểu và tham gia tích cực vào hoạt động khuyến công ở địa phương, góp phần đưa công nghiệp nông thôn phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

### ***c) Khu vực kinh tế nông- lâm- ngư nghiệp***

Đã từng bước tổ chức lại sản xuất, xây dựng thành công nhiều mô hình hiệu quả; quan tâm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lồng ghép nhiều chương trình dự án, tổ chức tập huấn kỹ thuật mới về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để ứng dụng vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

\* *Trồng trọt:* Ổn định sản lượng lương thực có hạt, đảm bảo an sinh xã hội, cơ cấu giống cây trồng được nghiên cứu chuyển đổi phù hợp từng chất đất, giống lúa xác nhận.

Diện tích gieo trồng cả năm 12.201,92 ha, trong đó: cây lương thực có hạt diện tích 10.845,61ha (lúa 10.825,32ha, ngô 20,29ha). Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 67.587,17 tấn (lúa 67.536,47 tấn; ngô 50,72 tấn). Cụ thể, diện tích lúa cả năm gieo cấy 10.825,32 ha (vụ Đông Xuân: 5.846,42 ha; vụ Hè Thu; 4.978,9 ha). Năng suất bình quân cả năm đạt 62,39 tạ/ha, so với kế hoạch tăng 7,12 tạ/ha; so với năm 2022 tăng 10,94 tạ/ha. Sản lượng đạt 67.636,47 tấn so với KH tăng 7.321,12 tấn, so với năm 2022 tăng 14.511,42 tấn.

Đã chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng hiệu quả kinh tế trên 1 đơn vị diện tích canh tác, đưa các giống lúa năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Nhân rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn với các giống lúa chất lượng cao như: HT1, DT39, HN6, nếp Iri352...

Chuyển đổi những diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả ở vùng biển không chủ động nước sang trồng các loại cây trồng cạn hoặc nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng xây dựng cánh đồng lớn để áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa cơ giới hóa vào các khâu của sản xuất, tập trung. Xây dựng các vùng sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap, hữu cơ để phát triển các thương hiệu gạo huyện (Gạo Phú Hồ, Gạo hữu cơ Phú Mỹ,...); Hình thành các vùng sản xuất rau màu an toàn. Năm 2023, giống lúa chất lượng cao đưa vào sản xuất chiếm 40,7% diện tích gieo cấy, được đánh giá “được mùa, được giá” và góp phần tăng giá trị canh tác trên đơn vị diện tích đạt 86 triệu đồng/ha/năm.

\* *Chăn nuôi:*

Quan tâm nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm thông qua các chương trình dự án, đề án như: Đề án Phát triển đàn lợn giống tỷ lệ nạc cao, đề án sinh

hóa đàn bò, chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học. Chuyển đổi mô hình chăn nuôi sang nuôi trên đệm lót sinh học để giảm ô nhiễm môi trường.

Số lượng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện phát triển ổn định. Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2023 trên địa bàn huyện khoảng 319.184 con, trong đó: đàn trâu 1.024 con, đàn bò 2.440 con, đàn lợn ước đạt 6.720 con, đàn gia cầm 309.000 con.

Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm nhất là các dịch bệnh Lở mồm long móng, cúm gia cầm, tai xanh ở lợn... đẩy mạnh công tác kiểm dịch, tăng cường công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm.

*\* Thủy sản:*

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất gắn với bảo vệ môi trường. Tập trung thực hiện đa dạng đối tượng nuôi theo quy hoạch, chuyển đổi diện tích nuôi chuyên tôm thường xảy ra dịch bệnh, kém hiệu quả sang nuôi xen ghép tôm với một số đối tượng như cá dìa, cá kình, cá đối mực... có giá trị kinh tế cao, đã hạn chế được ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Diện tích nuôi trồng thủy sản đã thả nuôi 2.254,2 ha/2.283,1 ha. Sản lượng thu hoạch năm ước đạt 2.650 tấn tôm cá các loại (trong đó tôm 1.015 tấn, cua cá các loại 1.635 tấn).

Sản lượng khai thác ước đạt 18.050 tấn/18.000 tấn, trong đó: khai thác biển 17.160 tấn/17.150 tấn đạt 100,1% kế hoạch; khai thác sông đầm 890 tấn/850 tấn KH, đạt 104,7% kế hoạch. Sản lượng đánh bắt không cao, việc khai thác biển đang cố gắng duy trì sản lượng theo kế hoạch, vận động người dân đầu tư thiết bị và công nghệ hiện đại trong đánh bắt và bảo quản để nâng cao chất lượng thủy sản khai thác.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đã góp phần làm cho bộ mặt nông thôn khởi sắc.

### **2.2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

Theo số liệu báo cáo thống kê năm 2023 của Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế. Dân số trung bình toàn huyện Phú Vang là 116.809 người. Dân cư tập trung chủ yếu ở thị trấn Phú Đa, xã Phú Mỹ, xã Vinh Thanh,.. các xã đồng bằng ven thành phố Huế và ven các trục đường giao thông. Mật độ dân số bình quân toàn huyện là 496,40 người/km<sup>2</sup>.

Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, lao động lành nghề thấp và số lao động có trình độ đại học trở lên chỉ chiếm số ít. Như vậy, có thể nói nguồn lực lao động của huyện Phú Vang rất dồi dào song phần lớn là lao động phổ thông, năng suất lao động thấp. Trong tương lai, cần làm tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động, đồng thời đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

Đời sống dân cư từng bước được cải thiện, thu nhập và mức sống của người dân huyện Phú Vang đã tăng lên đáng kể.

#### **2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

Tranh thủ nguồn vốn của tỉnh; các chương trình mục tiêu và ngân sách huyện để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa ở trung tâm huyện lỵ Phú Đa, Vinh Thanh...phát triển mạnh các dịch vụ, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, sản xuất các sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng và phát triển kinh tế nông thôn.

Vùng Trung tâm huyện lỵ được ưu tiên đầu tư hạ tầng để phát triển theo quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển dịch vụ và xúc tiến mời gọi đầu tư vào khu công nghiệp Phú Đa, từng bước xây dựng Trung tâm huyện lỵ Phú Đa trở thành hạt nhân, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các xã vùng cát, vùng căn cứ địa cách mạng.

Hình thái phân bố dân cư theo thôn, dân cư chủ yếu tập trung hai bên các trục đường quốc lộ, liên xã, liên thôn. Nhìn chung trong những năm qua cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn đã được cải thiện và phát triển thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội. Vùng các xã nông nghiệp đã tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, xây dựng trạm bơm và kiên cố hoá kênh mương, đê bao; thực hiện tốt các chương trình chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, hoàn thành công tác dồn điền đổi thửa; nhựa hoá tỉnh lộ, bê tông hoá cơ bản đường giao thông nông thôn, chương trình nước máy và nước sạch.

#### **2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

Trong những năm qua, Phú Vang đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, xây mới, nâng cấp cải tạo nhiều công trình cấp điện, nước, thủy lợi, giao thông, bưu chính viễn thông, trường học, trạm y tế,... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, với sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá ngày càng cao nên nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Do đó trong những năm tới cần tiếp tục đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ.

##### ***a) Giao thông***

Hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn huyện phát triển khá đồng bộ và toàn diện, một phần do được chính quyền các cấp hết sức quan tâm và ưu tiên đầu tư, một phần do nhân dân nỗ lực đóng góp. Hệ thống giao thông gồm các tuyến: quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ đã tương đối đáp ứng được nhu cầu về giao thông vận tải của huyện. Các tuyến giao thông nông thôn gồm: đường liên thôn liên xã, đường nội đồng từng bước được nhựa hoá, bê tông hoá. Hệ thống đường thủy gồm: Đại Giang, Thiệu Hoá, Như Ý, Vọng Trì. Hệ thống đâm phá Tam Giang - Cầu Hai được đầu tư và khai thác tốt.

##### **\* Hệ thống giao thông đường bộ:**

Các tuyến giao thông đường bộ đã được kết nối thành mạng lưới giao thông liên hoàn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

##### ***Các tuyến quốc lộ***

Bao gồm: quốc lộ 49A, quốc lộ 49B đi qua địa bàn huyện. Đây là 02 tuyến huyết mạch nối miền tây tỉnh Thừa Thiên Huế với khu vực đồng bằng và các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh.

### ***Các tuyến tỉnh lộ***

Toàn huyện hiện có 8 tuyến tỉnh lộ phục vụ hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn gồm: tỉnh lộ số 2, 10A, 10B, 10C, 10D, 3, 18 và 5.

Trong đó có 5 tuyến đã kết nối trực tiếp với quốc lộ, bao gồm:

- + Tỉnh lộ số 2: nối với quốc lộ 49A.
- + Tỉnh lộ 10A: nối với quốc lộ 49A và quốc lộ 1A.
- + Tỉnh lộ 3: nối với quốc lộ 1A.
- + Tỉnh lộ 18: nối với quốc lộ 1A, quốc lộ 49B.
- + Tỉnh lộ số 5: nối với quốc lộ 49A.

Hiện tại, các tuyến tỉnh lộ trên địa bàn đều được bê tông hoá, nhựa hoá và có năng lực thông hành cao. Hệ thống tỉnh lộ đạt cấp đường từ cấp VI – V đồng bằng.

### ***Các tuyến đường nội thị***

Hiện tại, huyện Phú Vang có thị trấn Phú Đa. Hệ thống giao thông của khu vực này hiện đang được xây dựng và đang tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### ***Giao thông nông thôn***

Cùng với sự phát triển đồng bộ hệ thống giao thông chính: quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ trên địa bàn, hệ thống giao thông nông thôn đã được nhân dân và các cấp chính quyền rất quan tâm. Giao thông nông thôn ở các xã đồng bằng khá phát triển nhờ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu trên địa bàn huyện.

### ***Hệ thống cầu cống***

Ngoài các cầu lớn: Trường Hà, Phú Thứ, Thiệu Hóa thì hệ thống cầu cống cần có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng để nâng cao chất lượng sử dụng. Vì vậy, cần phải có phương án cải tạo, nâng cấp cầu để phục vụ nhân dân các xã khu vực phía Bắc, phía Nam huyện sử dụng được thuận lợi.

### ***\* Hệ thống giao thông đường thuỷ:***

Hệ thống giao thông đường thuỷ bao gồm:

+ Đường sông: Các tuyến đường sông chủ yếu phục vụ vận tải nhỏ, chuyên chở hàng hoá tới các chợ quê. Chất lượng luồng lạch còn rất kém, cần phải nạo vét, khơi thông dòng chảy mới đảm bảo chuyên chở hàng hoá.

+ Đường biển: Với trên 25 km chiều dài bờ biển, đây là điều kiện thuận lợi cho các xã bãi ngang làm nghề đánh bắt hải sản. Đồng thời xây dựng các bãi tắm, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch sinh thái phục vụ du khách trong và ngoài nước.

+ Đầm phá: hệ thống đầm phá qua huyện Phú Vang. Ngoài việc cung cấp nguồn lợi thuỷ sản, đầm phá còn là tuyến giao thông thuỷ rất thuận tiện, nối liền các huyện trong khu vực: Phú Vang, Phú Lộc. Giúp các huyện giao lưu, trao đổi

các loại sản phẩm hàng hoá. Tuyên này ngoài việc thúc đẩy phát triển kinh tế còn là tuyên du lịch trên đầm phá mà tỉnh đang đầu tư và khai thác phục vụ du khách.

Đặc biệt, đối với khu vực đầm phá, huyện cần phối hợp với tỉnh tập trung xây dựng và phát triển kinh tế xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai trở thành vùng phát triển kinh tế năng động toàn diện bao gồm: du lịch, thủy sản, nông lâm, công nghiệp, chế biến. Mở rộng các loại hình kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng, phát triển mô hình kinh tế trang trại trên vùng cát nội đồng, góp phần phát triển chung nền kinh tế toàn tỉnh và của huyện Phú Vang.

#### ***b) Thủy lợi***

Đặc điểm địa hình Phú Vang chia cắt thành hai vùng biệt lập, vùng đồi cát ven biển và vùng ruộng trũng, cao thấp xen lẫn. Phú Vang có 3 con sông lớn chảy qua, thuận lợi về nguồn nước.

Các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đã được chú trọng đầu tư xây dựng, đang bước vào thời kỳ phát huy tác dụng, đã tạo điều kiện khai hoang, tăng vụ, tăng khả năng sản xuất của đất chủ động trong tưới tiêu. Trong những năm qua huyện đã xây dựng nhiều trạm bơm, nâng cấp hệ thống kênh mương và công trình ngăn mặn như Tây phá Đông (phá Tam Giang), Đông phá Đông (phá Tam Giang), Quy Lai - Tân Mỹ, Tây phá Cầu Hai.

#### ***c) Năng lượng***

Phú Vang là một trong những huyện của tỉnh hoàn thành sớm chương trình phủ điện nông thôn. Mạng lưới điện quốc gia đã phủ tất cả các xã. Đến nay đã có 100% số xã có điện. Ngoài mục tiêu phục vụ sinh hoạt, điện cũng đã đến được nâng cao qua nhiều cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện.

#### ***d) Bưu chính viễn thông***

Hệ thống thông tin liên lạc từng bước mở rộng và hiện đại hóa. Hiện nay 100% số xã (thị trấn) có điện thoại... Thông tin liên lạc ngày càng thuận lợi hơn thông qua các dịch vụ như: mạng Vinaphone, Mobiphone, Viettel,...

#### ***e) Cơ sở văn hóa***

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Nhằm tiếp tục củng cố phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Hệ thống văn hóa thông tin phát triển từ tỉnh, huyện đến xã, thôn với những quy mô khác nhau. Ngành văn hóa thông tin từ huyện đến cơ sở đã chủ động sáng tạo trong các lĩnh vực hoạt động: văn hoá, văn nghệ, thông tin, cổ động tuyên truyền, công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa thông tin, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, làng văn hóa.....

#### ***f) Giáo dục***



Quy mô, mạng lưới trường, lớp các bậc học, ngành học phát triển rộng khắp, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh, của huyện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ và ngày càng hoàn thiện. Các điều kiện về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trường học không ngừng được tăng cường, bổ sung hàng năm. Đến nay, cơ bản đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên.

#### **f) Y tế, dân số**

Công tác y tế, dân số có nhiều tiến bộ. Công tác phòng chống dịch được đảm bảo. Việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức, đảm bảo mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ y tế và từng bước tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật cao. Chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm, hạn chế tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc bệnh và tử vong. Mạng lưới y tế của huyện tiếp tục được tăng cường cả về trang thiết bị và nguồn nhân lực, đã nêu cao ý thức và tinh thần phục vụ của đội ngũ y bác sĩ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số và các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

#### **g) Thể dục thể thao**

Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn được phát triển mạnh, tăng cường giáo dục thể chất trong nhà trường, mở rộng các loại hình luyện tập thể dục thể thao trong nhân dân nhằm nâng cao sức khỏe. Các hoạt động lễ hội dân gian được duy trì, nhiều hoạt động như văn nghệ, đua ghe, thi đấu cầu lông, quần vợt, bóng chuyền, bóng đá và các trò chơi dân gian khác tiếp tục phát huy tốt. Tổ chức mít tinh, tọa đàm, gặp mặt kỷ niệm, tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, thi đấu giao hữu thể dục thể thao,... tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích nhằm nâng cao thể chất, trau dồi sức khỏe, hạn chế bệnh tật, đẩy lùi tệ nạn xã hội xâm nhập trong giới trẻ, tạo nên diện mạo mới, sức bật mới, tạo được khí thế phấn khởi, tin tưởng, khơi dậy truyền thống cách mạng của quê hương, góp phần giữ vững sự ổn định về tư tưởng chính trị.

### **2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất**

Biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo".

Biến đổi khí hậu gây ra các hiện tượng ngập úng, xói lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở đất..., ảnh hưởng nghiêm trọng đến diện tích đất ở, một bộ phận dân cư sống ở khu vực đồng bằng, khu vực đồi núi ven các sông suối sẽ phải di dời đến nơi ở khác; cơ sở hạ tầng (*giao thông, thủy lợi, năng lượng, cấp thoát nước...*) cũng bị ảnh hưởng, gây sức ép trong việc bố trí quỹ đất để xây dựng mới thay thế các công trình đã bị hư hỏng do thiên tai.

Phú Vang là huyện đồng bằng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế, khí hậu huyện Phú Vang vừa mang đặc trưng chung của khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế, vừa có đặc trưng riêng của tiểu khí hậu ven biển. Là huyện phải thường xuyên chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, như tình trạng xâm thực biển do nước biển dâng cao, dễ xảy ra tình trạng chia cắt mở thành cửa biển mới trong mùa mưa lũ. Biến đổi khí hậu đã tác động mạnh mẽ đến thời tiết, tác động đến sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Có những thuận lợi và những khó khăn sau:

### **2.3.1. Thuận lợi**

Phú Vang là huyện vùng đồng bằng ven biển, đầm phá của tỉnh Thừa Thiên Huế. Phú Vang có bờ biển trải dài với các bãi tắm nổi tiếng như Phú Thuận, Vinh Thanh, Phú Diên... cùng với hệ đầm phá rộng lớn được xem là những tiềm năng và lợi thế rất lớn trong phát triển du lịch - dịch vụ cũng như kinh tế biển và đầm phá của huyện. Trên địa bàn huyện Phú Vang có quốc lộ 49B chạy dọc ven biển, Tỉnh lộ 10A, 10B, 10C và các tuyến giao thông nối các tỉnh lộ với quốc lộ tạo thành một hệ thống đường giao thông hợp lý, thuận lợi cho giao lưu trong nội bộ huyện và với bên ngoài. Bên cạnh đó, với việc sở hữu nhiều diện tích đầm phá trong hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, Phú Vang còn có thế mạnh để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

### **2.3.2. Khó khăn**

Phú Vang nằm trong dải đất miền Trung nên cũng chịu ảnh hưởng rất lớn của khí hậu thời tiết khắc nghiệt, mùa hạ nắng hạn kéo dài kèm theo gió Tây Nam khô nóng, còn vào mùa mưa khí hậu lạnh, lượng mưa tập trung vào một số tháng gây ra lũ lụt, ngập úng làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống dân sinh.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu dẫn đến nắng nóng kéo dài làm thiệt hại lớn đến sản xuất và đảo lộn đời sống của người dân. Biến đổi khí hậu có tác động tới sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi, làm cho ngành nông nghiệp đối mặt với nhu cầu lớn về các cây, con giống, nhằm thích ứng do biến đổi khí hậu và các hiện tượng cực đoan của thời tiết.

Ngoài ra biến đổi khí hậu còn làm tăng tần số, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, lốc, tố, dông và các thiên tai liên quan tới nhiệt độ và lượng mưa như thời tiết khô nóng, lũ, ngập úng, hạn hán, sâu bệnh, làm giảm năng suất của cây trồng vật nuôi.

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các điều kiện khí hậu khắc nghiệt cùng với thiên tai làm cho tuổi thọ của các máy móc, thiết bị và các công trình giảm đi, chi phí đầu tư tăng cao dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp. Biến đổi khí hậu còn đòi hỏi các ngành phải xem xét lại quy hoạch, các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn ngành nhằm thích ứng với điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt.

Đối với ngành nông nghiệp, biến đổi khí hậu làm thu hẹp diện tích sản xuất, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng. Với ngành lâm nghiệp giảm hiệu quả kinh tế của các hoạt động khai thác tài nguyên từ rừng.

Biến đổi khí hậu tác động đến an ninh lương thực, làm giảm năng suất của đất; hiện tượng di cư, mất an ninh lương thực, phá hoại các nguồn tài nguyên và hệ sinh thái, giảm đa dạng sinh học và các nguy cơ khác đã và đang xảy ra. Mặt khác, còn tác động đến thời vụ, sinh trưởng và năng suất cây trồng, làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh, đe dọa an ninh lương thực. Ngành nông nghiệp huyện đang đối mặt với việc tìm ra các giống cây trồng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trước tình hình trên, nhiệm vụ đặt ra cho chính quyền và nhân dân huyện Phú Vang phải chuẩn bị để ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu và đảm bảo phát triển bền vững. Do đó, lập **“Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”** nằm trong chương trình kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm trang bị cho các cấp quản lý, chính quyền địa phương cũng như người sử dụng đất có cơ sở khoa học cho việc quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai và xây dựng các giải pháp cụ thể để hạn chế thiệt hại do biến đổi khí hậu gây nên, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

### 3. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất

#### 3.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất tính đến hết ngày 31/12/2023

Theo số liệu tính đến hết ngày 31/12/2023 tổng diện tích tự nhiên của huyện Phú Vang là 23.531,22 ha.

Các chỉ tiêu sử dụng đất huyện Phú Vang được phân bố cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích tự nhiên	Loại đất		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
1	Thị trấn Phú Đa	2.976,20	1.601,67	1.208,83	165,70
2	Xã Phú An	1.130,25	411,32	717,26	1,67
3	Xã Phú Diên	1.381,44	383,38	944,53	53,52
4	Xã Phú Gia	2.707,83	1.534,23	1.130,64	42,96
5	Xã Phú Hải	335,36	55,98	269,29	10,09
6	Xã Phú Hồ	961,48	628,55	291,44	41,49
7	Xã Phú Lương	1.787,91	1.260,13	507,11	20,67
8	Xã Phú Mỹ	1.164,59	605,76	554,42	4,41
9	Xã Phú Thuận	715,24	109,92	582,56	22,76
10	Xã Phú Xuân	3.022,80	1.176,76	1.818,09	27,95
11	Xã Vinh An	1.507,76	894,41	561,40	51,95
12	Xã Vinh Hà	2.934,81	1.380,90	1.529,75	24,16
13	Xã Vinh Thanh	1.053,63	442,28	587,21	24,14
14	Xã Vinh Xuân	1.851,91	899,38	895,92	56,62

Cơ cấu sử dụng các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 11.384,67 ha, chiếm 48,38% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 11.598,46 ha, chiếm 49,29% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 548,09 ha, chiếm 2,33% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng: Diện tích, cơ cấu các loại đất tính đến 31/12/2023**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>23.531,22</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>11.384,67</b>	<b>48,38</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.050,54	25,71
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.922,38</i>	<i>20,92</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	815,83	3,47
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.854,93	7,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	281,56	1,20
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	767,93	3,26
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.578,14	6,71
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	35,74	0,15
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>11.598,46</b>	<b>49,29</b>
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	105,19	0,45
2.2	Đất an ninh	CAN	7,78	0,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	34,28	0,15
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	153,99	0,65
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12,48	0,05
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,89	0,01
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	10,18	0,04
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.385,29	18,64
	<i>Trong đó:</i>			
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.320,11</i>	<i>5,61</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>601,19</i>	<i>2,55</i>
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,93</i>	<i>0,01</i>
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,91</i>	<i>0,03</i>

2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	77,85	0,33
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	156,23	0,66
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	0,28	0,00
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,22	0,01
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,07	0,01
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,35	0,00
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,96	0,09
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2.189,11	9,30
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
2.9.16	Đất chợ	DCH	7,08	0,03
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,55	0,03
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,21	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.058,56	4,50
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	195,28	0,83
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,27	0,05
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,77	0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	168,26	0,72
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	298,33	1,27
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	5.142,61	21,85
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,47	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>548,09</b>	<b>2,33</b>

### 3.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 là 11.384,67 ha, chiếm 48,38% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất trồng lúa: 6.050,54 ha, chiếm 25,71% tổng diện tích tự nhiên (trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 4.922,38 ha, chiếm 20,92% tổng diện tích tự nhiên).
- Đất trồng cây hàng năm khác: 815,83 ha, chiếm 3,47% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất trồng cây lâu năm: 1.854,93 ha, chiếm 7,88% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất rừng phòng hộ: 281,56 ha, chiếm 1,20% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất rừng sản xuất: 767,93 ha, chiếm 3,26% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1.578,14 ha, chiếm 6,71% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất nông nghiệp khác: 35,74 ha, chiếm 0,15% tổng diện tích tự nhiên.

### *3.1.2. Đất phi nông nghiệp*

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2023 là 11.598,46 ha, chiếm 49,29% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất quốc phòng: 105,19 ha, chiếm 0,45%, tổng diện tích tự nhiên.

- Đất an ninh: 7,78 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất khu công nghiệp: 34,28 ha, chiếm 0,15% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất thương mại, dịch vụ: 153,99 ha, chiếm 0,65% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 12,48 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 1,89 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 10,18 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 4.385,29 ha, chiếm 18,64% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 6,55 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,21 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất ở tại nông thôn: 1.058,56 ha, chiếm 4,50% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất ở tại đô thị: 195,28 ha, chiếm 0,83% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 11,27 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 3,77 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất tín ngưỡng: 168,26 ha, chiếm 0,72% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 298,33 ha, chiếm 1,27% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 5.142,61 ha, chiếm 21,85% tổng diện tích tự nhiên.

### *3.1.3. Đất chưa sử dụng*

Năm 2023 trên địa bàn huyện Phú Vang có 548,09 ha, chiếm 2,33% tổng diện tích tự nhiên.

## **3.2. Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất theo từng loại đất giai đoạn 2020-2023**

### **Bảng: Biến động các loại đất huyện Phú Vang giai đoạn 2020-2023**

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023 (ha)	So với năm 2020	
				Diện tích năm 2020 (ha)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>11384,67</b>	<b>11605,17</b>	<b>-220,50</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6050,54	6066,50	-15,96
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4922,38</i>	<i>4938,34</i>	<i>-15,96</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	815,83	820,31	-4,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1854,93	1859,06	-4,13
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	281,56	290,02	-8,46
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	767,93	951,55	-183,62
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1578,14	1581,83	-3,69
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	35,74	35,87	-0,13
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>11598,46</b>	<b>11346,75</b>	<b>251,71</b>
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	105,19	27,24	77,95
2.2	Đất an ninh	CAN	7,78	7,66	0,12
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	34,28	34,28	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	153,99	148,90	5,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12,48	12,75	-0,27
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,89	1,89	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	10,18	10,18	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4385,29	4236,77	148,52
	<i>Trong đó:</i>				
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1320,11</i>	<i>1297,88</i>	<i>22,23</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>601,19</i>	<i>596,33</i>	<i>4,86</i>
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,93</i>	<i>2,91</i>	<i>0,02</i>
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,91</i>	<i>5,93</i>	<i>-0,02</i>
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>77,85</i>	<i>75,00</i>	<i>2,85</i>
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>156,23</i>	<i>28,77</i>	<i>127,46</i>
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,28</i>	<i>0,29</i>	<i>-0,01</i>
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính, viễn</i>	<i>DBV</i>	<i>1,22</i>	<i>1,22</i>	<i>0,00</i>

	<i>thông</i>				
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,07	2,07	0,00
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,35	0,35	0,00
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,96	20,96	0,00
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2189,11	2198,34	-9,23
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
2.9.16	Đất chợ	DCH	7,08	6,72	0,36
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,55	6,55	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,21	0,04	2,17
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1058,56	1036,83	21,73
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	195,28	194,41	0,87
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,27	11,12	0,15
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,77	3,77	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	168,26	168,51	-0,25
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	298,33	301,62	-3,29
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	5142,61	5143,51	-0,90
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,47	0,47	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>548,09</b>	<b>579,31</b>	<b>-31,22</b>

### 3.2.1 Biến động sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2023, đất nông nghiệp có 11.384,67 ha, giảm 220,50 ha so với năm 2020. Nguyên nhân diện tích đất nông nghiệp giảm do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp. Trong đó:

#### \* Đất trồng lúa

Năm 2023 diện tích đất trồng lúa có 6050,54 ha, giảm 15,96 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất phát triển hạ tầng,... để thực hiện các dự án như: Nâng cấp kênh thoát kết hợp ngăn lũ An Truyền; Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Văn Giang (Đông B), xã Phú Lương; Chính trang nút giao QL49B và TL18 (giai đoạn 1); Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Văn Giang (Đông B), xã Phú Lương (gđ2); Hệ thống tưới tự chảy Vùng Triều Thủy, Phú An; Nâng cấp đường bê tông liên xã Phú An - Phú Mỹ; Đường giao thông nội đồng thôn Mong A, Mong B, Hà Trữ, Thanh Lam;.....

#### \* Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2023 diện tích đất trồng cây hàng năm khác có 815,83 ha, giảm 4,48 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất



ở tại đô thị, đất phát triển hạ tầng,... để thực hiện các dự án như: Khu dân cư tổ dân phố Hòa Tây; Tuyến đường Phú Lương-Phú Hồ; Khu dân cư nông thôn tại thôn Kế Võ; Tuyến đường từ nhà Ông Phạm Ngọc Cường đi thôn Hà Úc 1 (xã Vinh An); Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại thôn An Dương 1 (2 vị trí (xã Phú Thuận),.....

**\* Đất trồng cây lâu năm**

Năm 2023 diện tích đất trồng cây lâu năm có 1854,93 ha, giảm 4,13 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất phát triển hạ tầng,... để thực hiện các dự án như: Khu dân cư tổ dân phố Hòa Tây; Khu dân cư nông thôn tại thôn Kế Võ; Đường bê tông Mong C-Tân Phú; Mở rộng Trường Mầm non Phú Gia (cơ sở Trùng Hà);... Ngoài ra, có chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang các mục đích sử dụng đất khác.

**\* Đất rừng phòng hộ**

Năm 2023 diện tích đất rừng phòng hộ có 281,56 ha, giảm 8,46 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất đất quốc phòng, đất phát triển hạ tầng,...

**\* Đất rừng sản xuất**

Năm 2023 diện tích đất rừng sản xuất có 767,93 ha, giảm 183,62 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất quốc phòng, đất phát triển hạ tầng,... Ngoài ra, có chuyển mục đích đất rừng sản xuất sang các mục đích sử dụng đất khác.

**\* Đất nuôi trồng thủy sản**

Năm 2023 diện tích đất nuôi trồng thủy sản có 1578,14 ha, giảm 3,69 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất phát triển hạ tầng,...

**\* Đất nông nghiệp khác**

Năm 2023 diện tích đất nông nghiệp khác có 35,74 ha, giảm 0,13 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng,..

**3.2.2. Biến động sử dụng đất phi nông nghiệp**

Năm 2023, đất phi nông nghiệp có 11.598,46 ha, tăng 251,71 ha so với năm 2020. Trong đó:

**\* Đất quốc phòng**

Năm 2023 diện tích đất quốc phòng có 105,19 ha, tăng 77,95 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được chuyển từ đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất có mục đích công cộng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất chưa sử dụng.

**\* Đất an ninh**

Năm 2023 diện tích đất an ninh có 7,78 ha, tăng 0,12 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được chuyển từ đất nghĩa trang nghĩa địa.

**\* Đất khu công nghiệp**

Năm 2023 diện tích đất khu công nghiệp có 34,28 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

**\* Đất thương mại dịch vụ**

Năm 2023 diện tích đất thương mại dịch vụ có 153,99 ha, tăng 5,09 ha so với năm 2020.

**\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Năm 2023 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 12,48 ha, giảm 0,27 ha so với năm 2020.

**\* Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Năm 2023 diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 1,89 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

**\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Năm 2023 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có 10,18 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

**\* Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Năm 2023 diện tích đất phát triển hạ tầng có 4.385,29 ha, tăng 148,52 ha so với năm 2020. Nguyên nhân tăng được chuyển từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị,... để thực hiện các dự án như: Đường Tây Phá Tam Giang; Nâng cấp đường bê tông liên xã Phú An - Phú Mỹ; Đường ra khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Côn Chim, Phú Gia; Đường giao thông nội đồng thôn Mong A, Mong B, Hà Trữ, Thanh Lam; Đường giao thông từ Tỉnh lộ 10 A đi An Hạ-Định Cư; Đường bê tông Mong C-Tân Phú (xã Phú Gia); Chính trang nút giao quốc lộ 49B và tỉnh lộ 18 (giai đoạn 1) (xã Vinh Thanh); Tuyến đường từ nhà Ông Phạm Ngọc Cường đi thôn Hà Úc 1 (xã Vinh An),....

**\* Đất sinh hoạt cộng đồng**

Năm 2023 diện tích đất sinh hoạt cộng đồng có 6,55 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

**\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**

Năm 2023 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng có 2,21 ha, tăng 2,17 ha so với năm 2020.

**\* Đất ở tại nông thôn**

Năm 2023 diện tích đất ở tại nông thôn có 1.058,56 ha, tăng 21,73 ha so với năm 2020. Nguyên nhân tăng được chuyển từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất chưa sử dụng,....

**\* Đất ở tại đô thị**

Năm 2023 diện tích đất ở tại đô thị có 195,28 ha, tăng 0,87 ha so với năm 2020. Nguyên nhân tăng được chuyển từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất chưa sử dụng,....

**\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Năm 2023 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan có 11,27 ha, tăng 0,15 ha so với năm 2020.

**\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Năm 2023 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có 3,77 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

**\* Đất tín ngưỡng**

Năm 2023 diện tích đất tín ngưỡng có 168,26 ha, giảm 0,25 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất có mục đích công cộng,...

**\* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Năm 2023 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có 298,33 ha, giảm 3,29 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng,..và chuyển sang các mục đích sử dụng đất khác.

**\* Đất có mặt nước chuyên dùng**

Năm 2023 diện tích đất có mặt nước chuyên dùng có 5.142,61 ha, giảm 0,90 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển mục đích đất có mặt nước chuyên dùng sang mục đích khác.

**\* Đất phi nông nghiệp khác**

Năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp khác có 0,47 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2020.

**3.2.3. Biến động sử dụng đất chưa sử dụng**

Năm 2023, đất chưa sử dụng có 548,09 ha, giảm 31,22 ha so với năm 2020. Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất quốc phòng, đất phát triển hạ tầng,....

**4. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.**

**4.1. Những mặt đạt được**

Nhìn chung, việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất và chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch của huyện Phú Vang đã theo sát và về cơ bản đã đạt theo Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả quỹ đất, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Phú Vang đã tạo cơ sở pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc quản lý và bảo vệ các diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được đảm bảo. Các diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khu dân cư đã cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

#### **4.2. Những hạn chế**

- Công tác dự báo chưa sát nhu cầu thực tiễn; một số công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phát sinh sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên không có căn cứ thực hiện giao đất, cho thuê đất; ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của huyện. Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa thường xuyên.

- Vốn đầu tư thực hiện một số dự án có sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn hẹp dẫn đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Vang được xây dựng trên cơ sở tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực, quá trình rà soát lập quy hoạch sử dụng đất các sở, ngành, địa phương còn đưa vào quá nhiều công trình dự án nhưng chậm triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất không cao.

#### **4.3. Nguyên nhân của tồn tại**

- Chính sách đất đai và cơ chế đầu tư có sự thay đổi, nhưng văn bản hướng dẫn và sự phối hợp của các ngành trong việc tổ chức thực hiện chưa đồng bộ.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa tốt dẫn đến quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự gắn kết.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn lập và yêu cầu về bố trí trước các khu tái định cư nên không đủ điều kiện để được giao đất. Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phức tạp và chặt chẽ là

nguyên nhân làm cho các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện các dự án giao đất, cho thuê đất và các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đạt thấp.

- Việc bố trí vốn để thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất chưa đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt, nên việc thực hiện chậm so với tiến độ đã đề ra.

- Phương án quy hoạch chưa được dự báo sát với tốc độ phát triển - kinh tế xã hội, chưa lường hết những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư dẫn đến quy hoạch treo không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Việc thay đổi các chính sách về đất đai đã ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ triển khai giải phóng mặt bằng đối với các dự án có quy mô lớn, thời gian thực hiện trải dài qua nhiều giai đoạn làm phát sinh những bất cập, thiếu đồng nhất giữa các phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trong từng giai đoạn thực hiện, phát sinh thắc mắc, khiếu kiện từ phía các hộ dân bị thu hồi đất.

#### **4.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.**

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Việc lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện cần được thực hiện theo đúng thời gian các bước để đảm bảo cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng đất có đủ thời gian thực hiện các hạng mục công trình sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo tính minh bạch, công khai và dân chủ; quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có sự tham gia và ý kiến phản hồi của người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng đất. Kiểm tra việc tổ chức công khai theo quy định của pháp luật đối với các dự án thực hiện đầu tư trên địa bàn. Đối với chủ đầu tư, cần công khai hóa thông tin về các vị trí quy hoạch sử dụng đất trong phương án, địa chỉ thửa đất, mục đích sử dụng để người dân được biết. Đối với cơ quan lập quy hoạch, cung cấp các thông tin, trả lời, giải trình về các vấn đề liên quan đến dự án, trong phương án quy hoạch sử dụng đất khi cộng đồng yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy hoạch.

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp cần đi trước để đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư trong và ngoài tỉnh cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cần nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai.

## PHẦN II

### PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

#### **I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

###### **1.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội**

\* Quan điểm phát triển và phương hướng phát triển

Phát triển dịch vụ du lịch thành ngành kinh tế chủ lực của huyện, trên cơ sở khai thác lợi thế vùng đầm phá, ven biển và điều chỉnh quy hoạch cho hợp lý nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, du lịch tại biển Phú Thuận, Vinh Thanh, đầm Sam-Chuồn; quan tâm vấn đề bảo vệ môi trường dịch vụ du lịch đầm phá. Tiếp tục phát triển mạnh các loại hình du lịch, nhất là du lịch trải nghiệm (đầm phá, du lịch biển), du lịch làng nghề, hình thành các tour, tuyến du lịch về các làng nghề truyền thống. Tích cực phối hợp đẩy mạnh các hoạt động, chương trình Farmtrip (hình thức du lịch tìm hiểu, làm quen, tiếp thị) để quảng bá các địa điểm, giới thiệu sản phẩm du lịch của huyện đến với du khách và người dân.

Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp. Phối hợp với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh kêu gọi đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Đa để phục vụ kêu gọi các dự án đầu tư sản xuất thứ cấp, phấn đấu tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt từ 50-60%. Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư các nhà máy lắp ráp điện tử, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, chế biến nông - thủy hải sản; ưu tiên các dự án sản xuất công nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Thành lập cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết và đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Diên.

Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ. Tập trung sản xuất theo hướng nông nghiệp tốt (Vietgap), chất lượng cao gắn với chuỗi liên kết giá trị sản xuất hàng hóa, an toàn, từng bước nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Quan tâm phát triển các vùng nông nghiệp chất lượng cao, có giá trị kinh tế ở các địa phương; tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao cung cấp cho các khu du lịch, dịch vụ trên địa bàn huyện.

Phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại, gia trại; tăng giá trị sản phẩm trong chăn nuôi.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng đối tượng nuôi, nuôi “xen ghép” gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng các hình thức quản lý kinh tế tập thể phù hợp với quy hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi. Vận động bà con ngư dân cải hoán và đóng mới tàu có công suất lớn; nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm đánh bắt thủy sản.

Về phát triển đô thị: Kêu gọi và khuyến khích, tạo điều kiện các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng, tập trung các nguồn lực để chỉnh trang, nâng cấp, đầu tư hạ tầng cho đô thị Phú Đa, Phú Mỹ, Vinh Thanh, Phú Thuận; quyết tâm xây dựng đô thị Vinh Thanh, Phú Mỹ trở thành thị trấn. Hoàn thiện hạ tầng điện chiếu sáng, cây xanh, thoát nước các trục đường chính trên địa bàn huyện theo hướng “xanh-sạch-sáng”. Hạ tầng xử lý, thu gom nước thải ở khu vực Vinh Thanh, Vinh Xuân. Làm tốt công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng gắn với tăng cường quản lý đất đai.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đầm phá, hệ lâm sinh bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống địa phương. Chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường Quốc phòng - An ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội**

#### ***a) Mục tiêu tổng quát***

Xây dựng Phú Vang thành địa bàn phát triển kinh tế biển và du lịch - dịch vụ hiệu quả, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế. Những năm qua, huyện Phú Vang đã tập trung huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế; nhất là phát huy thế mạnh của vùng ven biển, đầm phá để phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực như dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông và ngư nghiệp gắn với làng nghề truyền thống chế biến nông sản...Góp phần xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

#### ***b) Mục tiêu cụ thể***

- Mục tiêu về kinh tế:

+ Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 12,56%. Trong đó: giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 16,13%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 14,08%/năm; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 2,8%/năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt từ 75 - 80 triệu đồng/năm.

+ Giá trị thu hoạch/ha diện tích canh tác đất nông nghiệp đạt trên 85 triệu đồng/năm.

+ Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản bình quân hàng năm đạt 20.610 tấn; trong đó: đánh bắt 18.000 tấn, nuôi trồng 2.610 tấn.

+ Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm từ 15.000 - 16.000 tỷ đồng.

+ Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân từ 10-12%/năm (không tính thu tiền sử dụng đất).



- Mục tiêu về xã hội:
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD theo cân nặng/ tuổi dưới 7,2%.
- + Lao động qua đào tạo đạt trên 71%. Giải quyết việc làm mới: 2.000 lao động/năm.
- + Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn dưới 2,5%.
- + Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 34%.
- + Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.
- Mục tiêu về môi trường:
- + Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt 95%.
- + Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó: nước máy trên 95%).

## **1.2. Quan điểm sử dụng đất**

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống. Việc sử dụng đất phải vì sự phát triển kinh tế xã hội địa phương. Vì thế, quan điểm tổng quát việc khai thác sử dụng đất phải luôn phù hợp và gắn liền với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, phát huy được nguồn lực, lợi thế của địa phương đồng thời phải xuất phát từ tình hình đất đai cụ thể, gắn liền và phù hợp với định hướng chung trong khai thác sử dụng đất của tỉnh Thừa Thiên - Huế và vùng Trung Bộ. Trên cơ sở đánh giá tài nguyên đất đai, điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của huyện, dưới đây là một số quan điểm khai thác sử dụng quỹ đất:

- Quy hoạch sử dụng đất mang tính khoa học, hợp lý, tiết kiệm và phát triển bền vững. Đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong những năm trước mắt, vừa đảm bảo đáp ứng cho phát triển ở những năm tiếp theo trên cơ sở khai thác, sử dụng đất có hiệu quả và bảo vệ môi trường phục vụ lâu dài cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Quy hoạch sử dụng đất phải bám sát định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và giai đoạn tiếp theo theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phải đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các ngành phục vụ cho việc thực hiện quy hoạch phát triển của các ngành.

- Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo ưu tiên đất cho xây dựng các khu du lịch, dịch vụ, khu, cụm công nghiệp và việc mở rộng đô thị, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất giữa các ngành và sử dụng có hiệu quả các loại đất. Rà soát lại cơ cấu và định hướng sử dụng đất của các ngành để có giải pháp điều chỉnh hợp lý, trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải xem xét hiệu quả kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài với các giải pháp thích hợp.

- Quy hoạch sử dụng đất gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với mở rộng không gian đô thị. Phát triển đô thị gắn với quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn, hình thành các trục không gian đô thị có tính chất là đô thị công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch để thúc đẩy từng khu vực và hỗ trợ các đô thị lớn.

### **1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng**

#### **1.3.1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp**

Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ. Tập trung sản xuất theo hướng nông nghiệp tốt (Vietgap), chất lượng cao gắn với chuỗi liên kết giá trị sản xuất hàng hóa, an toàn, từng bước nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Mở rộng mô hình sản xuất “ Cánh đồng lớn”, “ Cánh đồng liên kết”; gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất. Xây dựng các mô hình sản xuất mới gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ, hình thành cơ sở, vùng sản xuất một số giống thủy sản đậm phá chất lượng cao; hỗ trợ xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu công nghiệp cho một số loại sản phẩm chủ lực gắn với chuỗi giá trị; hình thành vùng sản xuất, nuôi trồng thủy sản thâm canh áp dụng công nghệ cao, kết hợp phát triển du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng đối tượng nuôi, nuôi “xen ghép” gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng các hình thức quản lý kinh tế tập thể phù hợp với quy hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi.

Đề đảm bảo thực hiện các mục tiêu, phương hướng phát triển trên, định hướng sử dụng một số loại đất nông nghiệp của huyện Phú Vang như sau:

##### ***a) Đất trồng lúa***

Duy trì diện tích đất trồng lúa, đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng năng lực tưới tiêu. Bố trí xen canh mùa vụ hợp lý, tăng phân bón hữu cơ và làm tốt công tác bảo vệ thực vật. Bằng nhiều biện pháp kỹ thuật tổng hợp để giảm thiểu tối đa tổn thất do thiên tai gây ra, nâng cao sản lượng.

##### ***b) Đất trồng cây hàng năm khác***

Chuyển đổi một phần đất trồng lúa, màu năng suất thấp sang xây dựng và phát triển các vùng trồng rau an toàn, quả sạch; các vùng trồng sinh vật cảnh; xây dựng, cải tạo vườn tạp thành vườn có giá trị kinh tế. Kết hợp phát triển sản xuất hộ gia đình với hình thành các trang trại, gia trại. Trong kỳ quy hoạch nhân rộng và phát triển các mô hình trồng rau sạch,...

##### ***c) Đất trồng cây lâu năm***

Khuyến khích phát triển kinh tế vườn, cải tạo vườn tạp thành vườn cây ăn quả có giá trị kinh tế nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất và thu nhập cho nông dân.

#### ***d) Đất lâm nghiệp***

\* Đất rừng phòng hộ: Tập trung đầu tư xây dựng và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn bảo vệ sông, suối, hồ đập; coi trọng việc đầu tư trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái ở các khu vực công cộng. Trồng rừng ngập mặn tại xã Phú Xuân, Phú Diên, Vinh Xuân,...

\* Đất rừng sản xuất:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giao đất, giao rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Thực hiện việc rà soát và thu hồi lại những diện tích đất lâm nghiệp giao không đúng đối tượng, vượt quá hạn điền để điều chỉnh giao cho các hộ chưa có đất canh tác phát triển sản xuất ổn định đời sống.

#### ***e) Đất nuôi trồng thủy sản***

Từng bước nâng cao giá trị sản xuất, cần tiến hành cải tạo phần diện tích các ao hồ và nuôi kết hợp trên đất có mặt nước chuyên dùng, đất trồng lúa kém hiệu quả bị ngập thường xuyên, đất cát ven biển chuyển sang nuôi trồng thủy sản.

Bên cạnh đó cần đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, sản lượng nuôi trồng, phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản công nghiệp, bán công nghiệp, chuyển đổi đối tượng nuôi theo hướng đa dạng và thân thiện với môi trường. Phát triển các vùng nuôi ở lồng, bè ở một số vùng thủy vực phù hợp với các đối tượng có nguồn giống tự nhiên như cá diêu, cá kính, cá mú, cá nâu, cá hồng, cua, ghẹ,...Cụ thể: đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng sen tại xã Vinh Hà, khu nuôi trồng thủy sản tại xã Phú Mỹ, khu nuôi trồng thủy sản chần sáo,...

### **1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp**

Ưu tiên quỹ đất hợp lý để xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị (hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường...), đảm bảo các công trình kết cấu hạ tầng phải đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu cao của khách du lịch quốc tế, trong nước và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

#### ***a) Đất quốc phòng***

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác quốc phòng, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc. Trong những năm tới đất quốc phòng cần được bổ sung tại các xã, thị trấn như sau: xã Phú Thuận (1,20 ha); xã Vinh An (81,64 ha).

#### ***b) Đất an ninh***

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác an ninh chính trị và trật tự xã hội, đặc biệt là tại khu đô thị, các khu du lịch,... đồng thời kết hợp chặt chẽ

giữa an ninh và trật tự xã hội với xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, giảm các tệ nạn xã hội,... trong thời gian tới đất an ninh xây dựng các trụ sở công an của các xã, thị trấn,...

#### ***c) Đất khu công nghiệp***

Đến năm 2030 sẽ huy động mọi nguồn lực, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để phát triển, hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Phú Đa với diện tích 250 ha.

#### ***d) Đất cụm công nghiệp***

Đẩy mạnh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới trang thiết bị hiện có, tạo điều kiện tốt để có thể cạnh tranh khi tham gia hội nhập khu vực. Với phương hướng phát triển như trên thì trong những năm tới nhu cầu sử dụng đất cụm công nghiệp tăng lên để xây dựng cụm công nghiệp Phú Diên, cụm công nghiệp Phú Gia.

#### ***e) Đất thương mại dịch vụ***

Để đảm bảo sự phát triển thương mại dịch vụ của huyện trong thời gian tới cùng với những lợi thế thuận lợi, trong những năm tới cần đầu tư xây dựng các công trình sau:

- Điểm thương mại dịch vụ tại thị trấn Phú Đa: 2,6 ha;
- Khu du lịch sinh thái tại thị trấn Phú Đa: 7,0 ha;
- Khu thương mại dịch vụ tại Khu vực bến thuyền Phú An tại xã Phú An: 6,5 ha;
- Khu trung tâm thương mại dịch vụ (thôn Kế Sung - dọc QL49B) tại xã Phú Diên: 4,10 ha;
- Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái ven sông tại xã Phú Gia, huyện Phú Vang tại xã Phú Gia: 13,0 ha;
- Hạ tầng bãi tắm Phú Hải: 6,0 ha;
- Đất thương mại khu vực Nam Dương nối giáp Trung Chánh tại xã Phú Hộ: 6,40 ha;.....

#### ***f) Đất cơ sở sản xuất kinh doanh***

Trong những năm tới việc đầu tư cho sản xuất kinh doanh cũng được chú trọng, xây dựng các điểm tiểu thủ công nghiệp, điểm cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn.

#### ***h) Đất phát triển hạ tầng***

##### ***\* Đất giao thông***

Toàn bộ mạng lưới giao thông vận tải của huyện phải được gắn kết thành một hệ thống thống nhất. Hình thành mạng lưới liên kết nối các vùng kinh tế quan trọng trong huyện, trong tỉnh và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Gắn việc phát triển hệ thống giao thông với từng bước hình thành các khu đô thị mới, các khu du lịch dịch vụ,... phát triển theo một quy hoạch thống nhất nhằm tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị và an ninh quốc phòng.

Trên cơ sở phát triển mạng lưới giao thông cần kết hợp chặt chẽ giao thông đường bộ, đường thủy, kết hợp với phát triển thủy lợi, phát triển nông nghiệp - thủy sản, kết hợp phát triển giao thông với an ninh quốc phòng.

Định hướng sử dụng đất giao thông gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn chặt với các loại đất khác như quy hoạch khu dân cư, đô thị, mạng lưới dịch vụ xã hội mang tính chất liên hoàn và khép kín, thông suốt từ trung tâm huyện lỵ - đô thị - cụm kinh tế kỹ thuật - khu dân cư.

Tạo sự thông thoáng giao thông thuận lợi, kết nối liên hoàn các tuyến giao thông nội thị với các tuyến giao thông liên tỉnh, quốc gia và quốc tế.

#### *\* Đất thủy lợi*

Phương án phát triển thủy lợi đến năm 2030 ở huyện Phú Vang là cải tạo và nâng cao chất lượng công trình hiện có, mở rộng và xây dựng mới thêm một số công trình nhằm điều tiết nguồn nước, hạn chế ngập úng vào mùa mưa và cung cấp nước tưới vào mùa khô.

- Xây dựng các trạm bơm trên địa bàn từng xã, thị trấn để phục vụ cho việc tưới tiêu; mở rộng các tuyến đê, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi.

#### *\* Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Xây dựng và từng bước hiện đại hóa hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện Phú Vang. Bảo vệ, giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hóa, giá trị truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng của huyện. Bảo tồn và phát huy các di sản, di tích văn hoá trên địa bàn huyện.

Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa và nhu cầu nghỉ ngơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân, trong thời gian tới cần đầu tư xây dựng hệ thống các công trình văn hóa như: quảng trường huyện Phú Vang tại thị trấn Phú Đa (3,65 ha); quảng trường xã Vinh Thanh (2,10 ha),....

#### *\* Đất xây dựng cơ sở y tế*

Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân đảm bảo cung cấp dịch vụ an toàn, kịp thời, chất lượng cao về các mặt khám chữa bệnh, y tế dự phòng và đào tạo chuyên môn. Không những đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trong huyện, mà còn cả số lượng du khách, khách vãng lai. Chú trọng phát triển một cách cân đối các cơ sở và hoạt động công tác y tế dự phòng, đủ năng lực đối phó, giải quyết vấn đề phát sinh khẩn cấp trong mọi tình huống. Mọi người đều được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát

triển giống nòi. Đến nay các xã, thị trấn có mạng lưới y tế thôn; nhìn chung về cơ sở vật chất đã đáp ứng được công tác khám chữa bệnh cho bà con nhân dân.

Để đảm bảo đủ cơ sở y tế các cấp phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong huyện, định hướng sử dụng đất cơ sở y tế đến năm 2030 là bố trí thêm quỹ đất để hoàn chỉnh hệ thống y tế trung tâm huyện và cấp xã, thị trấn.

*\* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học; đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo cho học sinh. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên theo hướng nâng chuẩn, đảm bảo chất lượng cả về đạo đức lẫn chuyên môn. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại và chuẩn hóa. Phân đấu số trường đạt chuẩn quốc gia cao. Triển khai đề án phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, đổi mới quản lý giáo dục theo hướng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Cải tạo, nâng cấp chuẩn hóa cơ sở vật chất các trường tiểu học, về cơ sở vật chất có 100% trường đạt những tiêu chí về trường chuẩn.

+ Cải tạo, nâng cấp tầng hóa và bổ sung thêm phòng học, các phòng chức năng, công trình phục vụ... các trường tiểu học.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ...

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực quản lý, dạy học; coi trọng đào tạo ngoại ngữ, hướng nghiệp dạy nghề để điều chỉnh, phân luồng hợp lý trong đào tạo nguồn nhân lực, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động.

*\* Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Mở rộng và nâng cao hiệu quả phong trào thể dục thể thao quần chúng ở trường học, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, thu hút rộng rãi những đối tượng là người cao tuổi. Huy động sức mạnh toàn xã hội chăm lo giáo dục thể chất cho thanh thiếu niên và toàn dân, làm cho mọi người dân được thụ hưởng và tham gia các hoạt động thể dục thể thao để tăng cường sức khỏe, góp phần xây dựng con người mới phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Duy trì và tổ chức tốt hội thao các ngành, cơ quan, đoàn thể, hệ thống giải các môn thể thao và thể thao dân tộc hàng năm, các kỳ festival.

Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao, củng cố tổ chức và đa dạng hóa các loại hình thể dục thể thao quần chúng cơ sở như: các hội thể thao, câu lạc bộ thể dục thể thao, câu lạc bộ sức khỏe ngoài trời, câu lạc bộ võ thuật, khu vui chơi giải trí thể thao...

Để đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao cần tập trung đầu tư xây dựng các công trình: Nhà thi đấu đa năng huyện Phú vang

tại thị trấn Phú Đa; Trung tâm thể dục thể thao tại xã Phú Diên; trung tâm thể thao xã Phú Hải,....

*\* Đất công trình năng lượng*

Để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, xây dựng các tuyến điện trung và hạ thế; xây dựng trạm biến áp, cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện.

*\* Đất công trình bưu chính viễn thông*

Xây dựng hệ thống chiếu sáng theo hướng đồng bộ, hiện đại đảm bảo an toàn cho các hoạt động kinh tế-xã hội, tạo điểm nhấn, góp phần tăng tính thẩm mỹ đô thị. Chú trọng các tuyến trục trung tâm, cửa ngõ đô thị,....

Chú trọng các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng tư liệu, hướng dẫn sản xuất, cung cấp thông tin thương mại, nông nghiệp tại các điểm bưu điện-văn hoá xã.

*\* Đất có di tích lịch sử văn hóa*

Diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa tăng để xây dựng các công trình: Khu di tích lịch sử cách mạng Lùm Phun, khu di tích lịch sử lưu niệm trận chiến thắng Côn Rang tại xã Phú Gia; địa điểm chiến thắng Thanh lam Bò tại xã Phú Gia; Mở rộng di tích Tháp Chăm tại xã Phú Diên,...

*\* Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Để đảm bảo xử lý chất thải đáp ứng được yêu cầu vệ sinh môi trường, dự kiến điểm đặt xuống rác ở hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

*\* Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Di dời các nghĩa địa nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong đất ở và đất canh tác; khoanh vùng các nghĩa địa tập trung. Xây dựng nghĩa trang tập trung cho đô thị và các khu dân cư nông thôn với quy mô phù hợp. Bố trí đất nghĩa trang, nghĩa địa phải phù hợp phong tục tập quán của dân địa phương, đảm bảo vệ sinh môi trường. Phương án bố trí như sau:

- Nghĩa địa các nơi nhỏ lẻ ở các xã, thị trấn sẽ di dời từng bước đến nghĩa trang tập trung đạt tiêu chuẩn.
- Di dời các nghĩa địa bị giải tỏa bởi các dự án vào khu tập trung.
- Thu gom các nghĩa địa nhỏ lẻ trong đất nông nghiệp vào các khu tập trung.

*\* Đất chợ*

Mục tiêu chung là sắp xếp lại, cải tạo, mở rộng và xây mới hệ thống chợ vừa phục vụ nhu cầu dân sinh của nhân dân, các vùng phụ cận, vừa phục vụ các mục đích du lịch, tham quan, nghiên cứu và khám phá văn hoá truyền thống của khách thập phương.

### **1.3.3. Định hướng phát triển đất đô thị**

- Phát triển đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị với định hướng đến năm 2030 trở

thành đô thị loại IV, sau năm 2030 đạt đô thị loại III. Dự kiến các khu vực phát triển mở rộng ranh giới đô thị.

- Xác định quy mô dân số đô thị, quy mô đất xây dựng đô thị theo các giai đoạn đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Phát triển các điểm dân cư tập trung trên địa bàn: Định hướng đến năm 2025 Phú Vang đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Xác định các mô hình phát triển các xã dựa trên điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội phù hợp. Xác định các điểm dân cư có tiềm năng phát triển để tập trung đầu tư, xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí dân cư mới phát triển hàng năm trên địa bàn.

Phạm vi phát triển hệ thống đô thị là gắn trung tâm huyện, xã, thị trấn các khu trung tâm hành chính cấp xã, các khu công nghiệp tập trung, các khu dịch vụ, thương mại, du lịch. Xây dựng các vùng nông thôn theo hướng đô thị hóa hiện đại. Mỗi xã, thị trấn dành quỹ đất để xây dựng khu trung tâm hành chính xã, khu dân cư mở rộng, một số khu vực khác theo quy hoạch nhà cao tầng, nhà phân lô hợp lý có chất lượng để bố trí tái định cư cho di chuyển dân cư, bảo vệ di tích, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống bão lụt.

Xây dựng mạng lưới đô thị gắn liền với phát triển cơ sở hạ tầng, hình thành các trung tâm phát triển. Trên cơ sở đó cải tạo và phát triển các khu dân cư mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư đô thị, định hướng chuyển đất ở nông thôn, đất vườn và đất nông nghiệp sản xuất không có hiệu quả sang đất ở đô thị.

#### **1.3.4. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn**

Việc bố trí khu dân cư nông thôn và đô thị có một ý nghĩa khá quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Bố trí hệ thống dân cư phù hợp sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế và ngược lại nó sẽ kìm hãm đến sự phát triển. Do đó bố trí dân cư lao động phải tuân thủ các quan điểm sau:

+ Bố trí dân cư và lao động phải phù hợp với mạng lưới dân cư chung của cả nước, cả vùng và từng địa phương, tạo sự gắn kết chặt chẽ, tác động tương hỗ giữa các khu dân cư, mối liên hệ chặt chẽ giữa dân cư đô thị và nông thôn. Bố trí dân cư phải dựa vào điều kiện cụ thể của địa phương: hiện trạng phân bố dân cư, điều kiện đất đai, nguồn nước, khí hậu, phong tục tập quán, các sinh hoạt sản xuất, khu dân cư phải hiện đại song phải trên nền tảng truyền thống của địa phương.

+ Bố trí dân cư phải thuận tiện cho việc sản xuất, cung cấp lao động cho các ngành sản xuất, vùng nguyên liệu, lưu thông và đi lại tạo điều kiện tốt cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đặc biệt thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế nông nghiệp nông thôn, giảm sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị.

+ Hình thành các khu dân cư có quy mô phù hợp trên cơ sở cải tạo hệ thống dân cư cũ, mở rộng hệ thống khu dân cư mới nếu cần thiết nhằm tạo điều



kiện phát triển cơ sở hạ tầng công cộng, các dịch vụ đời sống cần thiết để nâng cao đời sống tinh thần vật chất của nhân dân.

+ Bố trí dân cư phải đảm bảo hạn chế được các thiệt hại do lũ lụt gây ra, kết hợp với phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi và an ninh quốc phòng.

+ Phân bố dân cư phải đảm bảo cho người lao động có việc làm ổn định, kết hợp phân bố dân cư, lao động theo ngành, theo lãnh thổ. Gắn liền với đối tượng lao động, kết hợp giữa sản xuất với dịch vụ, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa nguồn lao động và vật tư thiết bị cấu trúc hạ tầng của huyện

+ Bố trí khu dân cư nông thôn phải phù hợp với phong tục tập quán của người dân.

### 1.3.5. Định hướng phát triển đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị

Giữ lại hệ thống các khu dân cư trên địa bàn huyện. Hình thành các khu dân cư có quy mô phù hợp trên cơ sở cải tạo hệ thống dân cư cũ, mở rộng hệ thống khu dân cư mới nếu cần thiết nhằm tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng công cộng, các dịch vụ đời sống cần thiết để nâng cao đời sống tinh thần vật chất của nhân dân.

Dự báo đến năm 2030 dân số trên toàn huyện Phú Vang như sau:

STT	Hạng mục	Dân số hiện trạng	Dự báo
			Năm 2030
A	Dân số toàn huyện (người)	148.879	213.000
B	Dân số đô thị (người)	41.686	85.000
	Tỷ lệ % so toàn huyện	28,0	40,0
C	Dân số nông thôn	107.193	128.000
	Tỷ lệ % so toàn huyện	72,0	60,0

*Ghi chú:*

- Dân số hiện trạng tính toán có cập nhật số liệu thống kê mới nhất từ phòng thống kê của UBND huyện Phú Vang, bao gồm:

+ Dân số thường trú theo Niên giám thống kê.

+ Dân số tăng tự nhiên.

+ Dân số tăng cơ học.

+ Dân số vãng lai.

+ Các dự án đầu tư trên địa bàn.

- Quy mô dân số sẽ được tính toán cụ thể ở giai đoạn lập đồ án quy hoạch.

## II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

#### 2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

##### a) Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

\* Về kinh tế

+ Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 12,56%. Trong đó: giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 16,13%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 14,08%/năm; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 2,8%/năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt từ 75 - 80 triệu đồng/năm.

+ Giá trị thu hoạch/ha diện tích canh tác đất nông nghiệp đạt trên 85 triệu đồng/năm.

+ Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản bình quân hàng năm đạt 20.610 tấn; trong đó: đánh bắt 18.000 tấn, nuôi trồng 2.610 tấn.

+ Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm từ 15.000 - 16.000 tỷ đồng.

+ Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân từ 10-12%/năm (không tính thu tiền sử dụng đất).

*\* Về xã hội*

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD theo cân nặng/ tuổi dưới 7,2%.

+ Lao động qua đào tạo đạt trên 71%. Giải quyết việc làm mới: 2.000 lao động/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn dưới 2,5%.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 34%.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

*\* Về môi trường*

+ Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt 95%.

+ Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó: nước máy trên 95%).

(Nguồn: Nghị quyết Hội nghị phiên bất thường Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XV về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025).

***b) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

Phương hướng phát triển chung là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “Dịch vụ - Công nghiệp, xây dựng - Nông nghiệp”, trong đó trọng tâm là phát triển hạ tầng dịch vụ, du lịch biển và đô thị biển. Đây là ngành kinh tế chủ lực của huyện. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ mang tính đặc trưng của huyện, để có sức cạnh tranh và khẳng định thương hiệu điểm đến du lịch huyện Phú Vang. Phần đầu giá trị các ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân hàng năm 16,13%, đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 42,47% trong cơ cấu kinh tế.

- Công nghiệp, xây dựng: phần đầu tăng trưởng bình quân hàng năm 14,08%; đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 41,32% trong cơ cấu kinh tế.

- Nông nghiệp: phân đầu giá trị ngành nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hàng năm tăng 2,8%; đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 16,21% trong tổng cơ cấu kinh tế.

## **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế**

### ***a) Dịch vụ***

Tập trung phát triển du lịch dịch vụ thành ngành kinh tế chủ lực của huyện, trên cơ sở khai thác lợi thế vùng đầm phá, ven biển và điều chỉnh quy hoạch cho hợp lý nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, du lịch tại biển Phú Thuận, Vinh Thanh, đầm Sam-Chuồn; quan tâm vấn đề bảo vệ môi trường dịch vụ du lịch đầm phá.

Tiếp tục phát triển mạnh các loại hình du lịch, nhất là du lịch trải nghiệm (đầm phá, du lịch biển), du lịch làng nghề, hình thành các tour, tuyến du lịch về các làng nghề truyền thống. Tích cực phối hợp đẩy mạnh các hoạt động, chương trình Farmtrip (hình thức du lịch tìm hiểu, làm quen, tiếp thị) để quảng bá các địa điểm, giới thiệu sản phẩm du lịch huyện đến với du khách và người dân.

Huy động các nguồn lực, thành phần kinh tế ra sức phục hồi nhanh ngành du lịch gắn với tái cơ cấu để tạo bước đột phá, xứng tầm là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài huyện đến đầu tư phát triển các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch biển và đầm phá. Vận động các cơ sở sản xuất nhỏ, lẻ liên kết để xây dựng, phát triển tạo thành chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ mang tính đặc trưng của huyện, để có sức cạnh tranh và khẳng định thương hiệu điểm đến du lịch huyện Phú Vang.

Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, để có kế hoạch đầu tư phát triển du lịch ở các vùng trọng điểm. Đổi mới nội dung, phương thức quảng bá, xúc tiến du lịch theo hướng chuyên nghiệp hiện đại, hiệu quả và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường hợp tác với các đối tác, doanh nghiệp quy mô lớn như: các hãng hàng không, doanh nghiệp lữ hành, các trang mạng du lịch trực tuyến, mạng xã hội, báo chí,... để quảng bá thương hiệu và xúc tiến quảng bá du lịch của huyện. rà soát các hoạt động dịch vụ, các tour, tuyến trên đầm phá Tam Giang-Cầu Hai để khai thác có hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác du lịch, đa dạng hóa các loại hình du lịch sinh thái ở các xã ven biển, đầm phá từ Phú Thuận về Vinh Hà và các xã dọc theo phá Tam Giang - Cầu Hai; phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ở Phú Thuận, Vinh Thanh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch thông qua xã hội hóa; nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa các địa phương; hoàn thiện kết cấu hạ tầng để phát triển du lịch và dịch vụ biển. Phối hợp và tạo điều kiện để sớm đưa các dự án dịch vụ du lịch đi vào hoạt

động. Xây dựng một số đề án, quy hoạch để thúc đẩy phát triển du lịch đêm phá ở Đầm Sam Chuồn, Vinh An-Vinh Thanh. Thực hiện chỉnh trang khu vực dịch vụ thương mại tại ngã 4 giao đường Tỉnh lộ 18 và Quốc lộ 49B, xã Vinh Thanh để đầu tư phát triển dịch vụ công cộng, điện chiếu sáng, sắp xếp các điểm dịch vụ thương mại, chợ.

Phân đầu giá trị các ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân hàng năm 16,13%, đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 42,47% trong cơ cấu kinh tế.

### ***b) Công nghiệp, xây dựng***

Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp. Phân đầu tăng trưởng bình quân hàng năm 14,08%; đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 41,32% trong cơ cấu kinh tế. Phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh kêu gọi đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Phú Đa để phục vụ kêu gọi các dự án đầu tư sản xuất thứ cấp, phân đầu tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt 50-60%. Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư các nhà máy lắp ráp điện tử, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, chế biến nông - thủy hải sản; ưu tiên các dự án sản xuất công nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Thành lập cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết và đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp Phú Diên.

Từ nguồn vốn khuyến công, khoa học-công nghệ của tỉnh và triển khai kế hoạch khuyến công của huyện nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ, mở rộng quy mô hoạt động, ứng dụng các tiến bộ khoa học-công nghệ vào sản xuất. Đầu tư cải tiến nhãn mác hàng hóa, tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá mở rộng thị trường các sản phẩm đã có thương hiệu, xây dựng các thương hiệu mới, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên địa bàn tạo thành chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Gắn phát triển nghề và làng nghề với phát triển dịch vụ du lịch. Vận động các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ liên kết với nhau cùng dùng chung một nhãn hiệu tập thể nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu chung. Cơ sở đầu mối có vai trò làm đầu tàu bao tiêu sản phẩm của các hộ sản xuất nhỏ lẻ để cung ứng ra thị trường,

Tổ chức kết nối tiêu thụ các sản phẩm đặc sản, thủ công mỹ nghệ, nông sản vào các kênh phân phối bán lẻ, các khu du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài huyện. Vận động thành lập mỗi sản phẩm truyền thống đều có cơ sở sản xuất chủ lực để xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể.

### ***c) Nông - lâm nghiệp, thủy sản***

*Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ.*

Tập trung sản xuất theo hướng nông nghiệp tốt (Vietgap), chất lượng cao gắn với chuỗi liên kết giá trị sản xuất hàng hóa, an toàn, từng bước nâng cao giá

trị sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Phân đầu giá trị ngành nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hàng năm tăng 2,8%; đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 16,21% trong tổng cơ cấu kinh tế. Quan tâm phát triển các vùng nông nghiệp chất lượng cao, có giá trị kinh tế ở các địa phương; tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao cung cấp cho các khu du lịch, dịch vụ trên địa bàn huyện.

Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ, cơ cấu lại sản phẩm nông nghiệp theo hướng hiệu quả hơn; trong đó cần tập trung cho lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững. Nghiên cứu tham gia Dự án phát triển hạ tầng chuỗi giá trị rau quả thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Mở rộng mô hình sản xuất “Cánh đồng lớn”, “Cánh đồng liên kết”; gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất ở các xã vùng trọng điểm lúa Phú Lương, Phú Hồ, Phú Đa, Phú Gia, Vinh Hà, Phú Mỹ, ... Tập trung phát triển các giống lúa chất lượng cao, phân đầu chiếm tỷ trọng hơn 30% tổng diện tích lúa trên toàn huyện. Xây dựng các mô hình sản xuất mới gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ, hình thành cơ sở, vùng sản xuất một số giống thủy sản đậm phá chất lượng cao; hỗ trợ xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu công nghiệp cho một số loại sản phẩm chủ lực gắn với chuỗi giá trị; hình thành vùng sản xuất, nuôi trồng thủy sản thâm canh áp dụng công nghệ cao, kết hợp phát triển du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường. Phân đầu tăng giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích canh tác đạt bình quân trên 85 triệu đồng/ha/năm.

Tiếp tục thực hiện tốt chương trình mỗi xã một sản phẩm, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, trong đó phải xác định sản phẩm chủ lực, đặc trưng để tập trung phát triển; nghiên cứu phát triển kinh tế sen; khuyến khích đưa sản phẩm vào Festival làng nghề truyền thống. Đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (Vietgap), khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ nhằm tăng thu nhập, hiệu quả sản xuất.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng đối tượng nuôi, nuôi “xen ghép” gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng các hình thức quản lý kinh tế tập thể phù hợp với quy hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi. Vận động bà con ngư dân cải hoán và đóng mới tàu có công suất lớn, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm đánh bắt thủy sản, tổng sản lượng thủy sản bình quân hàng năm đạt 20.610 tấn.

## PHẦN IV

### TÂM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

#### **\* Đất nông nghiệp:**

Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ. Tập trung sản xuất theo hướng nông nghiệp tốt (Vietgap), chất lượng cao gắn với chuỗi liên kết giá trị sản xuất hàng hóa, an toàn, từng bước nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Xây dựng, phát triển các mô hình trang trại, nông nghiệp công nghệ cao, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn huyện.

Chuyển đổi một phần đất trồng lúa, màu năng suất thấp sang xây dựng và phát triển các vùng trồng rau an toàn, quả sạch; các vùng trồng sinh vật cảnh; xây dựng, cải tạo vườn tạp thành vườn có giá trị kinh tế.

#### **\* Đất phi nông nghiệp:**

Ưu tiên quỹ đất hợp lý để xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị (hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường...), đảm bảo các công trình kết cấu hạ tầng phải đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu cao của khách du lịch quốc tế, trong nước và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Phú Đa để phục vụ kêu gọi các dự án đầu tư sản xuất thứ cấp, phân đầu tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp. Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư các nhà máy lắp ráp điện tử, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, chế biến nông - thủy hải sản; ưu tiên các dự án sản xuất công nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Thành lập cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết và đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp Phú Diên, cụm công nghiệp Phú Gia.

Đầu tư cải tiến nhãn mác hàng hóa, tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá mở rộng thị trường các sản phẩm đã có thương hiệu, xây dựng các thương hiệu mới, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên địa bàn tạo thành chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Gắn phát triển nghề và làng nghề với phát triển dịch vụ du lịch. Vận động các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ liên kết với nhau cùng dùng chung một nhãn hiệu tập thể nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu chung. Cơ sở đầu mối có vai trò làm đầu tàu bao tiêu sản phẩm của các hộ sản xuất nhỏ lẻ để cung ứng ra thị trường.

Tổ chức kết nối tiêu thụ các sản phẩm đặc sản, thủ công mỹ nghệ, nông sản vào các kênh phân phối bán lẻ, các khu du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài huyện. Vận động thành lập mỗi sản phẩm truyền thống đều có cơ sở sản xuất chủ lực để xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể.

#### **\* Đất đô thị:**

Phát triển đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị, sau năm 2030 đạt đô thị loại III.

Phạm vi phát triển hệ thống đô thị là gắn trung tâm huyện, xã, thị trấn các khu trung tâm hành chính cấp xã, các khu công nghiệp tập trung, các khu dịch vụ, thương mại, du lịch. Xây dựng các vùng nông thôn theo hướng đô thị hóa hiện đại. Mỗi xã, thị trấn dành quỹ đất để xây dựng khu trung tâm hành chính xã, khu dân cư mở rộng, một số khu vực khác theo quy hoạch nhà cao tầng, nhà phân lô hợp lý có chất lượng để bố trí tái định cư cho di chuyển dân cư, bảo vệ di tích, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống bão lụt.

Xây dựng mạng lưới đô thị gắn liền với phát triển cơ sở hạ tầng, hình thành các trung tâm phát triển. Trên cơ sở đó cải tạo và phát triển các khu dân cư mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư đô thị, định hướng chuyển đất ở nông thôn, đất vườn và đất nông nghiệp sản xuất không có hiệu quả sang đất ở đô thị.

## PHẦN IV

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để phương án “*Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế*” được triển khai một cách đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả, cần thực hiện tốt một số biện pháp và giải pháp sau:

#### I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- **Giảm thiểu rác thải ra môi trường đất:** Biện pháp đầu tiên cần làm đó chính là hạn chế rác thải sinh hoạt ra ngoài môi trường đất. Đặc biệt, cần cấm tuyệt đối việc xả thải các loại chất thải chưa qua xử lý cẩn thận, chất thải sinh hoạt, chất hóa học ra ngoài gây ô nhiễm môi trường đất.

- **Tăng năng suất nông nghiệp:** Thực hiện tăng năng suất nông nghiệp bằng cách áp dụng nhiều loại gen chống chịu bệnh tật, sâu hại tốt, cho sản lượng cao để tránh việc phải sử dụng thuốc hóa học hàm lượng cao. Đồng thời, giúp các loại cây có khả năng chống chịu, thích nghi được với cả những dạng thời tiết cực đoan, duy trì tính phì nhiêu cho đất trồng. Nên áp dụng những phương pháp trồng cây đan xen giữa cây hàng năm và những cây lâu năm.

- **Bảo vệ, cải thiện môi trường sống:** Phải thường xuyên thực hiện cải thiện môi trường sống xung quanh và bảo vệ chúng luôn sạch sẽ. Hãy thực hiện giảm thiểu rác thải, loại bỏ các chất hóa học, phân khoáng để bảo vệ môi trường đất, nước.

- **Áp dụng các biện pháp canh tác chống xói mòn như:** kết hợp canh tác nông - lâm - ngư nghiệp với các loại hình đa dạng; xây dựng mô hình trồng trọt - chăn nuôi hợp lý, xây dựng kênh tưới tiêu và thoát nước kịp thời.

- **Tái chế các loại rác thải:** Các loại rác có thể tái chế như nhôm, nhựa, thủy tinh, thùng carton,... Nên phân loại rác theo quy định của công ty tái chế hoặc quy định chung của chính quyền đô thị.

- **Giảm sử dụng nhựa:** Rác thải nhựa chính là loại rác thải khó phân hủy và hiện hữu ở khắp mọi nơi. Nên tránh việc sử dụng nhựa, các sản phẩm từ nhựa như túi nilon, đồ dùng bằng nhựa,... Có thể thay thế chúng bằng cách đựng đồ đạc vào các thùng giấy, túi vải để bảo vệ môi trường.

#### II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

\* Các giải pháp về kinh tế:

- **Huy động các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án**

- Đa dạng hóa các hình thức huy động và tạo vốn, đây là nguồn vốn có ý nghĩa quyết định về lâu dài, đảm bảo có đủ năng lực nội tại để tiếp nhận đầu tư trong và ngoài nước một cách bình đẳng và đôi bên cùng có lợi.

- Huy động tối đa các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án (nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi, vốn



vay nước ngoài trả chậm hoặc thuê tài chính, vốn đầu tư trực tiếp, dự án bãi ngang, ODA,...) và sử dụng có hiệu quả, xử lý đồng bộ các nguồn vốn trung hạn và dài hạn để đảm bảo sản xuất ổn định và phát triển.

- Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư nhất là đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bằng cách tăng cường xúc tiến thương mại, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư.

- Áp dụng mọi hình thức khuyến khích để huy động vốn nhân rỗi trong nhân dân như: quỹ tiết kiệm, phát hành tín phiếu, cổ phiếu, trái phiếu công trình. Thực hiện cổ phần hoá một số doanh nghiệp để kêu gọi cổ phần, bán cổ phiếu của các công trình dự kiến đầu tư xây dựng.

***- Giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án***

- Có chính sách đền bù hợp lý, thỏa đáng đúng theo quy định của nhà nước khi chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích khác bằng các biện pháp cụ thể như tiền đền bù, hỗ trợ được chuyển sang góp vốn với các đơn vị sử dụng đất thực hiện các công trình dự án, đào tạo nghề, sử dụng lao động đối với những người có đất bị thu hồi.

- Duy trì và đảm bảo cho người dân có đất canh tác và đất ở ổn định để tổ chức thực hiện chính sách định canh, định cư, được giao đất có điều kiện để sản xuất nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

**\* Giải pháp về xã hội:**

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho huyện và các xã, thị trấn nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó đặc biệt ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Ưu tiên nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường học và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng hệ thống chính trị các cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là lĩnh vực quản lý đất đai; xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh gắn với phân cấp cho địa phương các cấp để nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện thống nhất nhận thức về yêu cầu quan trọng, cấp bách trong việc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

**III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để cho các tổ chức, cá nhân được biết. Xây dựng kịp thời quy hoạch chi tiết để có cơ sở

giao đất, cho thuê đất và kêu gọi đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các khu vực cấm mốc nhằm tránh phát sinh tiêu cực. Triển khai thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư.

- Thực hiện quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất: bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật; giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kiến nghị bổ sung và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo kế hoạch.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, nhân dân chủ động đầu tư, khai thác, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất, kinh doanh, nhằm tăng giá trị đất đai theo cơ chế thị trường, trên cơ sở khai thác hiệu quả và đúng Luật Đất đai.

#### **IV. Các giải pháp khác**

**\* Khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ có liên quan đến sử dụng đất nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất**

- Đầu tư việc ứng dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ trong sử dụng đất nông nghiệp như thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ thích hợp né tránh thiên tai nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, dịch vụ.... nhằm sản xuất ra hàng hoá tập trung, có sức cạnh tranh, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

**\* Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù**

- Chính sách ưu tiên dành đất cho những nhu cầu đặc biệt có tính bắt buộc về an ninh, quốc phòng.

- Chính sách về khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang nghĩa địa bằng cách quy tập và quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa tập trung.

**\* Những chính sách nhằm bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp**

- Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp toàn diện (nông nghiệp theo nghĩa rộng).

- Chính sách bảo vệ người nông dân có đất sản xuất ổn định lâu dài.

- Chính sách đánh thuế thích đáng khi chuyển đất trồng lúa sang mục đích sử dụng khác nhằm tiết kiệm cao nhất diện tích đất trồng lúa phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Tạo điều kiện để người dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu của thị trường.

**\* Những chính sách nhằm tiết kiệm sử dụng đất**

- Chính sách về tận dụng không gian trong quy hoạch xây dựng công nghiệp và đô thị trong các khu vực tập trung dân cư.

- Chính sách đầu tư đồng bộ giữa giao thông và thủy lợi bố trí với việc kết hợp các tuyến dân cư để tiết kiệm đất.

- Tích cực khai thác đất chưa sử dụng:

+ Có kế hoạch khai hoang, phục hóa để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và tạo thêm mặt bằng xây dựng.

+ Phát huy tối đa khả năng đất trồng đồi núi trọc vào trồng rừng mới, làm tăng độ che phủ của đất.

**\* Chính sách sử dụng đất nhằm đảm bảo an ninh lương thực**

Trong quá trình xây dựng phát triển huyện Phú Vang, xảy ra những biến động mang tính quy luật tác động đến cơ cấu kinh tế như:

- Người làm nông nghiệp giảm dần cả về số lượng và tỷ lệ tương đối chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ....

- Một phần đất nông nghiệp kể cả đất trồng lúa chuyển sang mục đích sử dụng khác như: sản xuất kinh doanh, dịch vụ... Trong khi đó khả năng mở rộng diện tích đất trồng lúa là rất hạn chế.

Như vậy về lâu dài, để đảm bảo an ninh lương thực cần phải áp dụng các biện pháp sau:

- Tiến hành thâm canh, tăng vụ, giúp nông dân đưa các giống mới năng suất cao, chống chịu sâu bệnh và biến đổi khí hậu vào sản xuất kết hợp đầu tư cải tạo đất.

- Nghiêm cấm các địa phương, ngành, tổ chức, cá nhân chuyển đất trồng lúa sang các mục đích khác một cách tùy tiện không theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

**\* Giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để nâng cao hiệu quả sử dụng đất**

- Triển khai các giải pháp cấp bách, có trọng tâm, trọng điểm để làm giảm mức độ dễ bị tổn thương, tăng cường sức chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; ưu tiên cao nhất bảo đảm an toàn, sinh kế cho người dân ở những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng; tập trung phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng dựa trên tiềm năng, lợi thế của địa phương.

+ **Các giải pháp thích ứng:**

- Quy hoạch tổng thể nguồn nước, xây dựng hệ thống dự trữ, các công trình đập trữ nước, hồ chứa nhằm cân bằng nguồn nước trong mùa mưa và mùa khô.

- Có chế độ quan trắc và kiểm tra thường xuyên đối với chất lượng nguồn nước ao, hồ, sông, suối; kiểm tra nghiêm ngặt việc thu gom, xử lý và xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Xây dựng nguyên tắc dùng nước; thay đổi thói quen dùng nước; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong sử dụng nước và tiết kiệm nước.

- Tăng mật độ cây xanh đô thị, đồng thời có biện pháp quy hoạch trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc bảo đảm khai thác hiệu quả đất lâm nghiệp, duy trì và nâng cao khả năng phòng chống thiên tai, chống sa mạc hóa, xâm thực, suy thoái đất.

- Có hệ thống cảnh báo sớm, ngăn ngừa những rủi ro và thiệt hại một cách nhanh chóng.

- Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo hệ thống thoát nước, lắp đặt hệ thống bơm dự phòng trong trường hợp lũ lụt.

- Xây dựng hệ thống đê bao, đập ngăn mặn.

- Phát triển các vùng nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, hạn chế sự phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, tiết kiệm tài nguyên đất, nước...

**+ Các giải pháp giảm nhẹ:**

- Giảm phát thải khí nhà kính thông qua việc phát triển mạng lưới giao thông công cộng,... giảm phương tiện giao thông cá nhân.

- Tập trung phát triển công nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, từng bước loại bỏ, thay thế các công nghệ cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, tận dụng những lợi thế riêng có để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đặc biệt lưu ý gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và sinh cảnh quý giá của địa phương.

## PHẦN V

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### I. KẾT LUẬN

Phương án “*Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế*” được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, các tiềm năng, nguồn lực và hiện trạng sử dụng đất của huyện trong thời gian qua và trên cơ sở xử lý, tổng hợp kết quả nghiên cứu, định hướng quy hoạch phát triển của các ngành, các lĩnh vực, mang tính kế thừa, có căn cứ khoa học, thực tiễn và đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành trên địa bàn huyện, tỉnh, đảm bảo thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Qua nhiều lần hội thảo, đơn vị tư vấn cùng với các ban ngành cấp huyện đã tính toán, cân đối diện tích các loại đất và đã lựa chọn ra phương án trên, đây là phương án tối ưu nhất, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Vang là tài liệu có tính khả thi cao, là cơ sở cho việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cũng như công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện. Là cơ sở để thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai và tạo điều kiện để chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu nền kinh tế. Là căn cứ để phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp xã, thị trấn nhằm khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Không ngừng nâng cao việc bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm khai thác, sử dụng đất được lâu dài và bền vững.

Giải quyết các vấn đề then chốt, tạo điều kiện cho huyện chuyển đổi kinh tế, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư, ổn định và phát triển, nâng cao đời sống văn hóa, xã hội của người dân. Thực hiện chiến lược an ninh lương thực, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhìn chung, phương án “*Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế*” đã phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực hợp lý và quỹ đất của huyện đã cơ bản được khai thác sử dụng có hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các địa phương trên địa bàn huyện Phú Vang.

#### II. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành có chính sách đầu tư, hỗ trợ thỏa đáng, đặc biệt tạo điều kiện đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để huyện Phú Vang phát huy tốt tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án “*Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế*” nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.

